

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

# BẢN CÁO BẠCH

## CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ VÀ IN NÔNG NGHIỆP

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103004779 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02 tháng 07 năm 2004, thay đổi lần thứ 3 ngày 23 tháng 11 năm 2012.)



## CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 31/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 04 năm 2014)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại Công ty Cổ phần Bao bì và In nông nghiệp từ ngày 06 tháng 05 năm 2014:

### Tổ chức chào bán: Công ty cổ phần bao bì và in nông nghiệp

- Trụ sở chính: Số 72, Đường Trường Chinh, Phường Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội
- Nhà máy sản xuất: Lô 3 CN3 Khu công nghiệp Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội
- Điện thoại: 04-3 684 0095 Fax: 04-3 684 0095

### Tổ chức tư vấn : Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long

- Trụ sở chính: 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội
- Điện thoại: (84-4) 3772 6868 Fax: (84-4) 3772 6131
- Chi nhánh Tp. HCM: Tầng 2, Centec Tower, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, TP.HCM
- Điện thoại: (08) 3823 3923 Fax: (08) 3827 7380
- Website: www.kls.vn

### Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Ông Vũ Hồng Tuyền  
Chức vụ: Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc .  
Điện thoại: 04-3684 0095 Fax: 04-3684 0095

## **CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ VÀ IN NÔNG NGHIỆP**

*(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103004779 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02 tháng 07 năm 2004, thay đổi lần thứ 3 ngày 23 tháng 11 năm 2012)*

## **CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG**

**Tên cổ phiếu:** Cổ phiếu Công ty cổ phần Bao bì và In nông nghiệp

**Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phiếu

**Giá chào bán:** 10.000 đồng/cổ phiếu

**Tổng số lượng cổ phiếu chào bán:** 2.700.000 (hai triệu bảy trăm ngàn) cổ phiếu (chào bán toàn bộ 2.700.000 cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu)

**Tổng giá trị chào bán:** 27.000.000.000 (Hai mươi bảy tỷ) đồng

### **TỔ CHỨC KIỂM TOÁN**

#### **CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)**

- Trụ sở chính: Số 160 Phương Liệt, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội.
- Địa chỉ giao dịch : Tầng 14 tòa nhà HH3, KĐT Mỹ Đình, Mễ Trì, Hà Nội.
- Điện thoại: 04 3868 9566 Fax: 04 3868 6248.
- Website: [www.kiemtoanava.com.vn](http://www.kiemtoanava.com.vn).

### **TỔ CHỨC TƯ VẤN**

#### **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG - KLS**

- Trụ sở chính: 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội
- Điện thoại: (84-4) 3772 6868 Fax: (84-4) 3772 6131
- Chi nhánh Tp. HCM: Tầng 2, Centec Tower, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, TP.HCM
- Điện thoại: (08) 3823 3923 Fax: (08) 3827 7380
- Website: [www.kls.vn](http://www.kls.vn)

## **MỤC LỤC**

|                                                                                                                                                                                                                                                    |           |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH</b> .....                                                                                                                                                                                                                 | <b>5</b>  |
| <b>I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO</b> .....                                                                                                                                                                                                                 | <b>5</b>  |
| 1. Rủi ro về kinh tế .....                                                                                                                                                                                                                         | 5         |
| 2. Rủi ro về luật pháp.....                                                                                                                                                                                                                        | 8         |
| 3. Rủi ro đặc thù .....                                                                                                                                                                                                                            | 8         |
| 4. Rủi ro của đợt chào bán .....                                                                                                                                                                                                                   | 9         |
| 5. Rủi ro của dự án.....                                                                                                                                                                                                                           | 9         |
| 6. Rủi ro pha loãng cổ phiếu.....                                                                                                                                                                                                                  | 10        |
| 7. Rủi ro khác.....                                                                                                                                                                                                                                | 12        |
| <b>II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH</b> .....                                                                                                                                                                  | <b>13</b> |
| 1. Tổ chức phát hành .....                                                                                                                                                                                                                         | 13        |
| 2. Tổ chức tư vấn .....                                                                                                                                                                                                                            | 13        |
| <b>III. CÁC KHÁI NIỆM</b> .....                                                                                                                                                                                                                    | <b>14</b> |
| <b>IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH</b> .....                                                                                                                                                                                       | <b>15</b> |
| 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển .....                                                                                                                                                                                                | 15        |
| 2. Cơ cấu tổ chức công ty .....                                                                                                                                                                                                                    | 17        |
| 3. Sơ đồ tổ chức, quản lý của Công ty .....                                                                                                                                                                                                        | 18        |
| 4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty, danh sách cổ đông sáng lập và Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại .....                                                                          | 21        |
| 5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành. .... | 23        |
| 6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty .....                                                                                                                                                                                              | 23        |
| 7. Hoạt động kinh doanh.....                                                                                                                                                                                                                       | 24        |
| 8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất.....                                                                                                                                                                         | 38        |
| 9. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....                                                                                                                                                                           | 39        |
| 10. Chính sách đối với người lao động.....                                                                                                                                                                                                         | 41        |
| 11. Chính sách cổ tức.....                                                                                                                                                                                                                         | 42        |
| 12. Tình hình tài chính.....                                                                                                                                                                                                                       | 43        |
| 13. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc , Ban kiểm soát, Kế toán trưởng .....                                                                                                                                                                     | 51        |
| 14. Tài sản.....                                                                                                                                                                                                                                   | 63        |
| 15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo.....                                                                                                                                                                                                | 64        |

|               |                                                                                                                      |    |
|---------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| 16.           | Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức .....                                                    | 65 |
| 17.           | Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức .....                                         | 66 |
| 18.           | Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành .....                                          | 66 |
| 19.           | Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán ..... | 66 |
| V.            | CỔ PHIẾU CHÀO BÁN .....                                                                                              | 67 |
| VI.           | MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN .....                                                                                              | 71 |
| VII.          | KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN .....                                                              | 72 |
| VIII.         | CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN .....                                                                         | 73 |
| PHỤ LỤC ..... |                                                                                                                      | 74 |

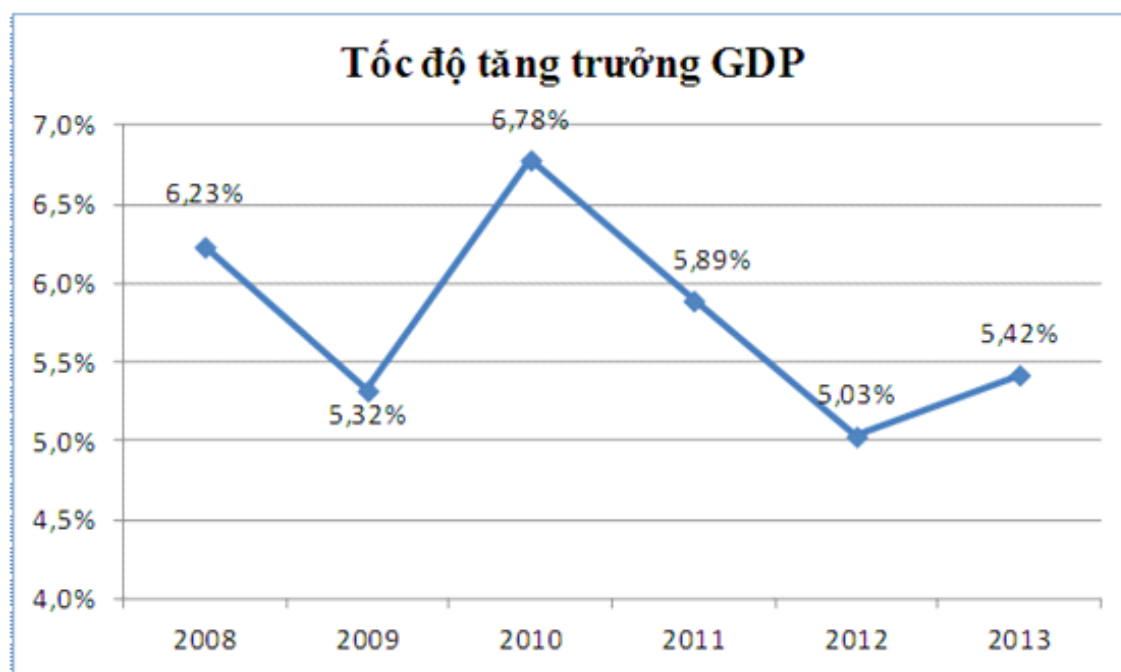
## **NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**

### **I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO**

#### **1. Rủi ro về kinh tế**

Sự phát triển của nền kinh tế thường được đánh giá thông qua tốc độ tăng trưởng kinh tế, sự biến động về lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái, v.v... các yếu tố này tác động mang tính hệ thống tới nền kinh tế. Sự biến động bất thường của các yếu tố này có thể gây ra những rủi ro cho các chủ thể tham gia vào nền kinh tế nói chung và Công ty cổ phần Bao bì và In nông nghiệp nói riêng.

#### ❖ *Tốc độ tăng trưởng kinh tế*



(Nguồn: Tổng cục thống kê)

Năm 2013, tổng sản phẩm quốc nội - GDP tăng 5,42% so với năm 2012. Mặc dù mức tăng này thấp hơn so với mục tiêu đề ra (5,5%), tuy nhiên, vẫn cao hơn mức 5,03% của năm 2012 cho thấy dấu hiệu phục hồi nhẹ của nền kinh tế.

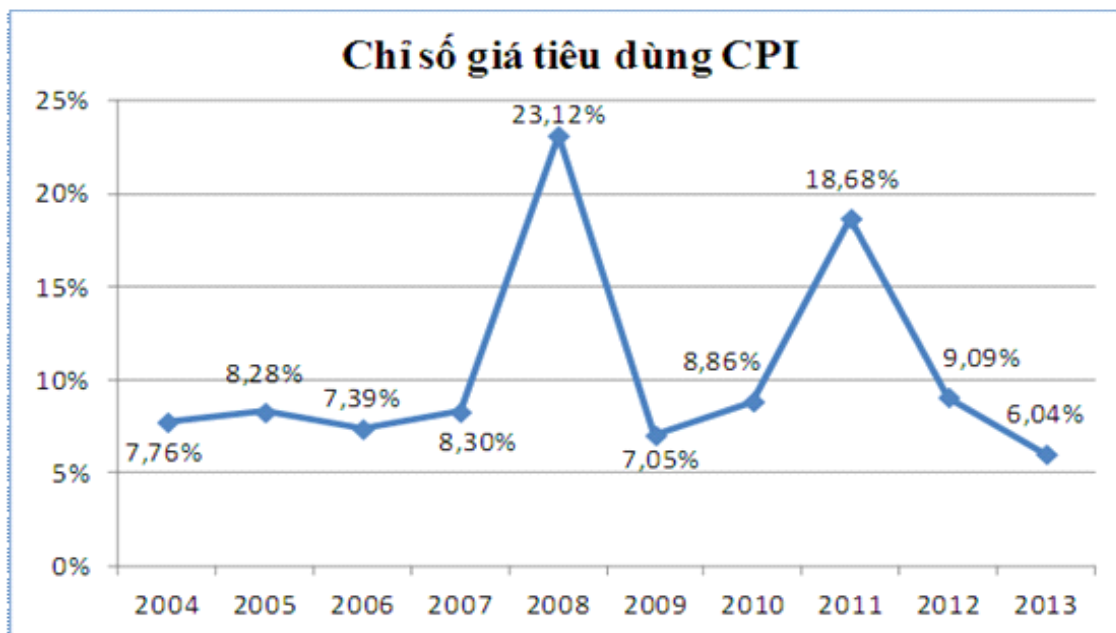
Đóng góp vào mức tăng trưởng GDP 5,42% trong năm 2013 phần lớn từ khu vực dịch vụ (tăng 6,56% cao hơn so với mức tăng của năm 5,9% của năm 2012), tiếp đến là khu vực công nghiệp (tăng 5,43%) và khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản (tăng 2,67%). Về cơ cấu kinh tế, khu vực dịch vụ cũng chiếm tỷ trọng lớn nhất (43,3%), sau đó là khu vực công nghiệp và xây dựng đóng góp 38,3%, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đóng góp 18,4%.

Bước vào năm 2014, kinh tế Việt Nam vẫn còn đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Giá các hàng hóa chủ yếu trên thị trường vẫn biến động theo chiều hướng tăng. Những yếu tố bất lợi của nền kinh tế tác động mạnh đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp Việt Nam.

Bên cạnh đó, theo dự báo Việt Nam vẫn sẽ là bội chi ngân sách và nợ công ở mức cao, sức cầu của xã hội yếu. Lãi vay ngân hàng đã giảm nhưng tốc độ tăng trưởng tín dụng còn rất thấp, phản ánh khả năng hấp thụ của nền kinh tế còn yếu. Tình hình khó khăn của các doanh nghiệp chưa có dấu hiệu giảm rõ rệt.

❖ **Rủi ro về lạm phát**

Thành công lớn trong năm 2013 là đã kiềm chế được lạm phát theo đúng mục tiêu đề ra. Chỉ số lạm phát năm 2013 thấp nhất trong vòng 10 năm qua ở mức 6,04%. Nhóm hàng hoá và dịch vụ đóng góp chủ yếu vào mức tăng CPI trong năm qua là thuốc và dịch vụ y tế (*tăng 18,97%*), giáo dục (*tăng 11,71%*), điện (*tăng 10%*), và giá gas (*tăng 5%*). Có thể thấy giữ mức lạm phát thấp hơn mục tiêu đề ra (8%) là một thành tựu của chính sách vĩ mô trong năm vừa qua nhằm ổn định kinh tế, hướng đến tăng trưởng bền vững. Đây cũng là cơ sở để ngân hàng nhà nước có thể tiếp tục giảm lãi suất trong thời gian tới nhằm thúc đẩy nền kinh tế, vượt qua khủng hoảng.



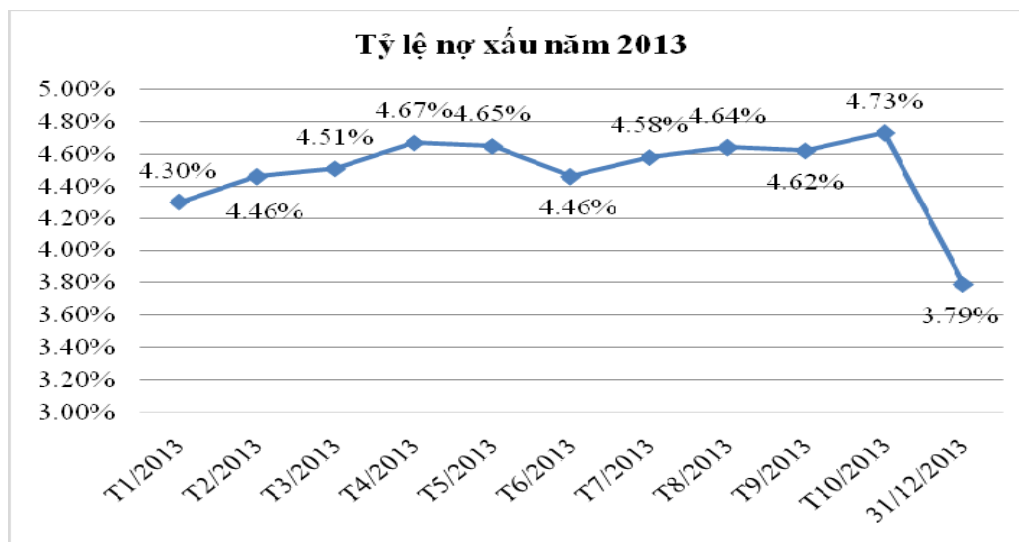
(Nguồn: Tổng cục thống kê)

❖ **Hệ thống ngân hàng**

Tính đến ngày 31/12/ 2013, tỷ lệ nợ xấu trong hệ thống ngân hàng Việt Nam là 3,79%, giảm gần 1% so với hồi đầu năm 2013. Tuy nhiên trên thực tế, tỷ lệ nợ xấu có thể giảm, nhưng số tuyệt đối có thể không giảm, bởi tổng dư nợ mỗi thời kỳ lại thay đổi. Tại thời điểm 31/12/2012, tỷ lệ nợ xấu của hệ thống ngân hàng là 4,08% tương ứng với 126.108 tỷ đồng nợ xấu và đến 31/12/2013, tỷ lệ nợ xấu giảm còn 3,79%, nhưng con số tuyệt đối tương ứng là 131.788 tỷ đồng, tức là tăng 4,5% so với đầu năm<sup>1</sup>.

---

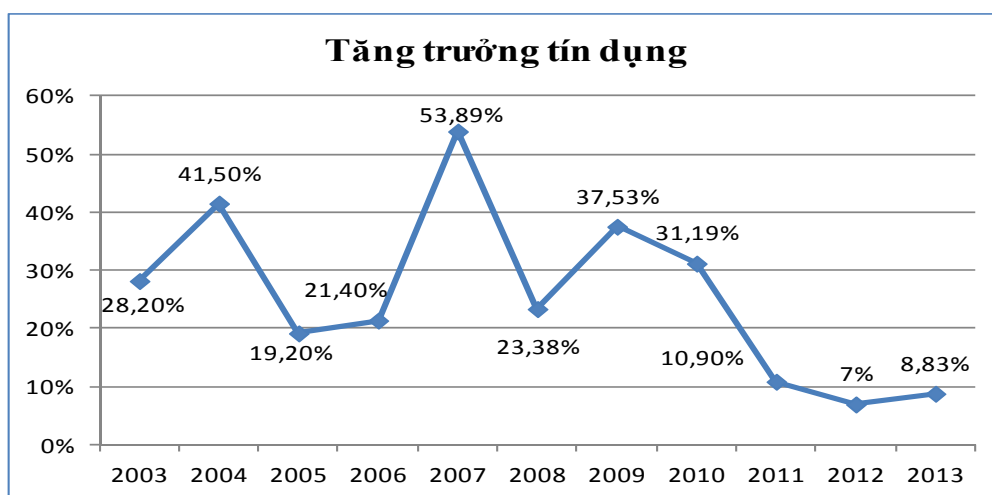
<sup>1</sup> <http://www.tapchitaichinh.vn/Tai-chinh-Kinh-doanh/Buc-tranh-den-toi-cua-nganh-ngan-hang-Bao-lo-giam-lai-no-xau-tang/43256.tctc>

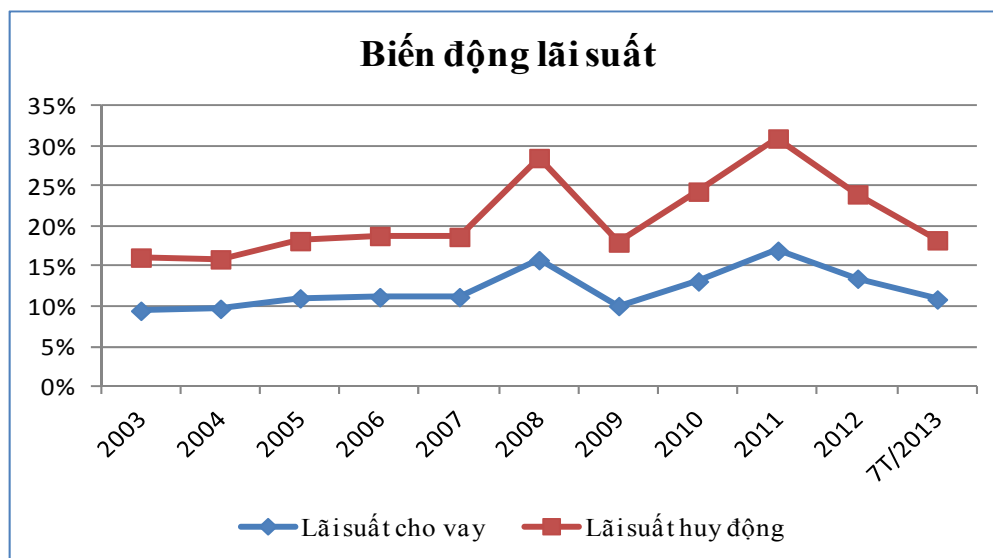


(Nguồn: ADB – KLS Tổng hợp)

Năm 2013, ngân hàng nhà nước đã giảm các mức lãi suất điều hành như lãi suất cơ bản, lãi suất tái chiết khấu, lãi suất tái cấp vốn xuống thêm 2%. Mặt bằng lãi suất cũng giảm mạnh so với năm 2012, và hiện tại đã trở về mức lãi suất tương đương giai đoạn 2005-2006.

Tín dụng cuối năm 2013 tăng trưởng 8,83% so với năm 2012, cao hơn mức tăng trưởng năm 2012 (7%) tuy nhiên vẫn thấp hơn mục tiêu đề ra (12%) và ở mức rất thấp trong vòng hơn 10 năm qua. Có thể thấy mặc dù mặt bằng lãi suất đã giảm sâu tuy nhiên khả năng hấp thụ nguồn vốn của nền kinh tế vẫn còn rất thấp.





Với đặc thù sản xuất của Công ty, nhu cầu tín dụng ngắn hạn là yếu tố không thể thiếu trong cả quá trình sản xuất, do đó biến động về lãi suất cũng ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

#### ❖ **Tỷ giá**

Chính sách tỷ giá tiếp tục được duy trì khá ổn định trong năm 2013 (*01 lần điều chỉnh hạ giá VNĐ xuống 1%*). Tỷ giá được giữ khá ổn định nhờ các yếu tố vĩ mô khác có những chuyển biến tích cực hoặc duy trì ổn định trong năm: (i) lực cầu USD yếu do khó khăn kinh tế, (ii) nguồn cung USD ổn định đến từ dòng vốn FDI tăng mạnh, dòng kiều hối ổn định và thặng dư cán cân thanh toán do tình hình xuất khẩu ổn định, và dự trữ ngoại hối ổn định; và (iii) nhân tố lạm phát được kiểm soát tốt, mặt bằng lãi suất hiện tại ở mức thấp.

### **2. Rủi ro về luật pháp**

Mọi hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật hiện hành như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật thuế thu nhập cá nhân... Tuy nhiên, hệ thống luật pháp của Việt Nam đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện, do đó các luật và văn bản dưới luật này sẽ có thể được chỉnh sửa cho phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế. Những sự thay đổi này sẽ có thể gây ảnh hưởng nhất định đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Năm 2012, 2013, UBCKNN, Bộ Tài chính và các cơ quan quản lý thị trường đã ban hành rất nhiều các văn bản pháp luật nhằm bổ sung, thay thế cho các văn bản đã có liên quan đến chứng khoán và thị trường chứng khoán theo chiều hướng thắt chặt hơn đối với các công ty đại chúng, công ty niêm yết,... Là một công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán, INN cũng chịu tác động trực tiếp và phải thực hiện theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Công ty cũng luôn cập nhật sự thay đổi của các văn bản pháp luật nói chung nhằm điều chỉnh hoạt động kinh doanh theo hướng phù hợp với quy định của pháp luật.

### **3. Rủi ro đặc thù**



Bên cạnh những rủi ro về nền kinh tế, rủi ro về môi trường pháp lý, cũng như các doanh nghiệp khác, Công ty phải đối mặt với các rủi ro trong hoạt động kinh doanh khi doanh thu chủ yếu của Công ty là từ các sản phẩm in: In bản đồ, sách báo, văn hóa phẩm, tem nhãn bao bì và các tài liệu phục vụ cho mọi ngành kinh tế. Trong điều kiện nền kinh tế thế giới và kinh tế Việt Nam có nhiều biến động bất lợi, các doanh nghiệp trong nước vẫn còn đang gặp khó khăn trong hoạt động dẫn đến hoạt động của INN cũng sẽ bị ảnh hưởng.

**Rủi ro về cạnh tranh:** Cùng với sự phát triển và đa dạng hóa của các loại hình hoạt động có liên quan đến ngành in, nhiều công ty, đơn vị đã tham gia vào quá trình hoạt động trên, thêm vào đó là sự gia tăng áp lực cạnh tranh ngày càng lớn từ các tổ chức nước ngoài có tiềm lực về tài chính mạnh, về quản lý, công nghệ và nhân lực tác động rất lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty, tăng áp lực cạnh tranh trong ngành. Tuy nhiên, INN với thương hiệu và uy tín được xây dựng qua nhiều năm hoạt động và hệ thống máy móc, trang thiết bị, công nghệ hiện đại mới được đầu tư, cán bộ nhân viên có trình độ, kinh nghiệm và tay nghề cao, Công ty đã trang bị cho mình những điều kiện cần thiết nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty trong ngành.

**Rủi ro ngành in:** Vì hoạt động trong lĩnh vực in nên thời tiết cũng là yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Việt Nam là nước có khí hậu nóng ẩm, trong năm có nhiều tháng có độ ẩm cao, nhiều tháng lại nóng gay gắt, khí hậu ẩm sẽ làm cho năng suất in giảm, khí hậu nóng sẽ làm quần, cong giấy, khó đưa vào máy làm giảm năng suất, ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

#### **4. Rủi ro của đợt chào bán**

Rủi ro từ đợt chào bán có thể xảy ra khi Công ty không phân phối hết số lượng cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu. Với mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phiếu trong khi giá thị trường của cổ phiếu tương đối cao (khoảng 30.000 đồng/cổ phiếu), giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2013 của Công ty là 20.567 đồng/cp (theo Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán năm 2013) đồng thời Công ty đặt kế hoạch cổ tức năm 2014 thấp nhất là 16% thì khả năng xảy ra rủi ro này là tương đối thấp. Đối tượng chào bán lần này được xác định là cổ đông hiện hữu, đa số các cổ đông hiện hữu là cán bộ công nhân viên của Công ty hoặc đã gắn bó lâu năm và có hiểu biết sâu sắc về hoạt động của Công ty, như vậy khả năng từ chối quyền mua của cổ đông hiện hữu là thấp.

Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị Công ty đã cân nhắc các phương án khả thi khác đảm bảo nâng cao năng lực tài chính, tăng thêm vốn lưu động như đẩy mạnh chính sách phải thu khách hàng để rút ngắn vòng quay phải thu, cơ cấu nợ vay ngân hàng hợp lý, ưu tiên thực hiện các dự án đem lại dòng tiền vào cho Công ty.

#### **5. Rủi ro của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán**

Năm 2012, 2013, bên cạnh khó khăn từ khủng hoảng kinh tế nhưng cũng mở ra nhiều cơ hội đầu tư cho các doanh nghiệp có tiềm lực tài chính, đặc biệt là các doanh nghiệp ngành in vì đây là vẫn là ngành phụ trợ không thể thiếu cho các sản phẩm khác. Riêng đối với INN, với tiềm lực và hiệu quả hoạt động của mình trong những năm qua, song song với chiến lược hoàn thiện công nghệ, mở rộng các mặt hàng truyền thống Công ty đang có kế hoạch mở rộng sản xuất, đầu tư trang thiết bị hiện đại, phát triển sản phẩm và các dòng sản phẩm mới ...

nhằm tạo sự khác biệt với các đối thủ cạnh tranh không những về chất lượng mà cả về công nghệ sản xuất, mẫu mã sản phẩm đáp ứng nhu cầu của khách hàng, đối tác.

Theo đó, trong năm 2014, INN dự kiến sẽ triển khai thực hiện mua sắm máy móc, trang thiết bị, dây chuyền sản xuất cho nhà máy của Công ty tại Ngọc Hồi và nhà máy tại Hưng Yên để đáp ứng nhu cầu về chất lượng sản phẩm, tăng tính cạnh tranh của Công ty. Việc thực hiện kế hoạch đầu tư này đòi hỏi chi phí đầu tư khá lớn do trang thiết bị bị, máy móc là mới và nhập khẩu,... Do đó, tổng số vốn đầu tư sẽ được INN huy động từ nhiều nguồn như sử dụng số tiền thu từ đợt chào bán lần này, vốn tự có và nguồn vốn vay Ngân hàng để đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

Hoạt động đầu tư mua sắm máy móc, trang thiết bị, dây chuyền sản xuất cho nhà máy của Công ty tại Ngọc Hồi và nhà máy tại Hưng Yên nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng tính cạnh tranh của Công ty trong bối cảnh thị trường đầu ra có sẵn nên rủi ro của hoạt động là không cao.

## **6. Rủi ro pha loãng cổ phiếu**

Lượng cổ phiếu chào bán trong đợt này là 2.700.000 cổ phiếu, tương đương 33,33% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty trên thị trường (8.100.000 cổ phiếu). Sau khi lượng cổ phiếu này chính thức được phát hành, cổ phiếu của công ty sẽ bị điều chỉnh xuống khi giá chào bán thấp hơn giá trị thị trường.

Đối với đợt chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ này của INN, có một số lưu ý với các Nhà đầu tư về rủi ro pha loãng giá cổ phiếu như sau:

- Tổng số cổ phiếu đăng ký chào bán: 2.700.000 (Hai triệu bảy trăm nghìn) cổ phiếu
- Đối tượng chào bán: Cổ đông hiện hữu
- Phương thức chào bán: Chào bán theo phương thức thực hiện quyền
- Giá chào bán: 10.000 (Mười nghìn) đồng

### **6.1. Rủi ro pha loãng Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS)**

$$EPS = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế - Cổ tức của cổ phần ưu đãi}^2}{\text{Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Sau khi lượng cổ phiếu chào bán này chính thức được đưa vào giao dịch trên thị trường, Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS) sẽ bị thay đổi do có sự thay đổi về Vốn chủ sở hữu và tốc độ tăng trưởng lợi nhuận.

Giả định chỉ có thay đổi về số lượng cổ phiếu lưu hành, sự thay đổi EPS của cổ phiếu INN như sau:

Lợi nhuận dự kiến trước thuế năm 2014 là 51.000.000.000 đồng<sup>3</sup>.

---

<sup>2</sup> Công ty không có cổ phần ưu đãi.

Lợi nhuận sau thuế năm 2014 dự kiến là: 39.780.000.000 đồng (tính thuế TNDN 22%)

Trường hợp 1: Công ty không phát hành thêm cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành là 8.100.000 cổ phiếu.

$$\text{EPS} = \frac{39.780.000.000}{8.100.000} = 4.911 \text{ đồng}$$

Trường hợp 2: Công ty chào bán thành công cổ phiếu và dự kiến 2.700.000 cổ phiếu phát hành thêm của INN chính thức lưu hành vào tháng 7 năm 2014, do có sự thay đổi về số lượng cổ phiếu đang lưu hành nên chỉ số EPS của Công ty sẽ có sự thay đổi, cụ thể:

$$\text{EPS} = \frac{39.780.000.000}{(8.100.000 \times 7 + 10.800.000 \times 5) / 12} = 4.312 \text{ đồng}$$

## **6.2. Pha loãng tỷ lệ biểu quyết:**

Rủi ro pha loãng tỷ lệ biểu quyết xảy ra trong trường hợp cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết một phần hoặc toàn bộ số lượng cổ phiếu được phân phối theo tỷ lệ dẫn đến tỷ lệ biểu quyết của cổ đông bị pha loãng.

Giả sử, đối với cổ đông A có 10.000 cổ phiếu. Trường hợp cổ đông A không đăng ký mua cổ phiếu được phân phối, tỷ lệ biểu quyết của cổ đông A bị pha loãng như sau:

Trước khi chào bán: tỷ lệ biểu quyết là  $10.000 / 8.100.000 = 0,123\%$

Sau khi chào bán: tỷ lệ biểu quyết là  $10.000 / 10.800.000 = 0,093\%$

## **6.3. Điều chỉnh kỹ thuật giá của cổ phiếu:**

Việc chào bán cho cổ đông hiện hữu với mức giá thấp hơn giá thị trường sẽ khiến giá tham chiếu trong ngày giao dịch không hưởng quyền sẽ bị điều chỉnh kỹ thuật theo công thức:

$$P_{\text{tcdc}} = \frac{(P_{\text{tc}} \times X) + (P_{\text{cb}} \times Y)}{X + Y}$$

*Trong đó:*

$P_{\text{tcdc}}$  : Giá tham chiếu điều chỉnh trong ngày giao dịch không hưởng quyền

$P_{\text{tc}}$  : Giá tham chiếu trước điều chỉnh (giá trung bình ngày giao dịch trước ngày giao dịch không hưởng quyền đối với sàn HNX)

$P_{\text{cb}}$  : Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu

---

<sup>3</sup> Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/03/2014.

X : Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

Y : Số lượng cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu

Ví dụ: Giả sử giá giao dịch của INN trước ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu là 30.000 đồng/cổ phiếu, giá chào bán cho cổ đông là 10.000 đồng/ cổ phiếu.

$$\begin{array}{l} \text{Giá tham chiếu điều} \\ \text{chỉnh trong ngày} \\ \text{giao dịch không} \\ \text{hưởng quyền} \end{array} = \frac{(30.000 \times 8.100.000) + (10.000 \times 2.700.000)}{10.800.000} = 25.000 \text{ đồng/} \\ \text{cổ phiếu}$$

## **7. Rủi ro khác**

Các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lụt, hoả hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố... nếu có gây thiệt hại về tài sản, con người và ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Công ty. Để hạn chế tối đa thiệt hại, Công ty cần tham gia vào các hợp đồng bảo hiểm cho các tài sản của Công ty.

## **II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**

### **1. Tổ chức phát hành**

- Ông **Nguyễn Thành Nam** - Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc
- Bà **Tạ Thị Tuyết Nga** - Kế toán trưởng
- Bà **Phạm Thị Phúc** - Trưởng Ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

### **2. Tổ chức tư vấn**

- Ông **Phạm Vĩnh Thành** - Chức vụ: Tổng Giám đốc

Giấy ủy quyền số 308/2011/UQ-HĐQT ngày 30/10/2011 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long.

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Bao bì và In nông nghiệp. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Bao bì và In nông nghiệp cung cấp.

### **III. CÁC KHÁI NIỆM**

|                    |                                                    |
|--------------------|----------------------------------------------------|
| INN                | : Công ty Cổ phần Bao bì và In Nông nghiệp         |
| Công ty            | : Công ty Cổ phần Bao bì và In Nông nghiệp         |
| Tổ chức phát hành: | Công ty Cổ phần Bao bì và In Nông nghiệp           |
| KLS                | : Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long             |
| Tổ chức tư vấn:    | Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim long               |
| ĐHĐCĐ:             | Đại hội đồng cổ đông                               |
| HĐQT               | : Hội đồng quản trị                                |
| BKS                | : Ban kiểm soát                                    |
| Điều lệ công ty    | : Điều lệ Công ty cổ phần Bao bì và In Nông nghiệp |
| UBCKNN             | : Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước                      |
| HNX                | : Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội                  |
| VSD                | : Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam            |
| TNHH               | : Trách nhiệm hữu hạn                              |
| DNNN               | : Doanh nghiệp nhà nước                            |
| NSNN               | : Ngân sách nhà nước                               |
| Thuế TNDN          | : Thuế thu nhập doanh nghiệp                       |
| Thuế GTGT          | : Thuế giá trị gia tăng                            |
| Thuế XNK           | : Thuế xuất nhập khẩu                              |
| KCN                | : Khu công nghiệp                                  |

#### **IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH**

##### **1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển**

###### **1.1. Giới thiệu chung**

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ VÀ IN NÔNG NGHIỆP
- Tên tiếng Anh: AGRICULTURE PRINTING AND PACKAGING JOINT STOCK COMPANY
- Logo Công ty:  

- Trụ sở chính: Số 72 đường Trường Chinh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
- Nhà máy sản xuất: Lô 3 CN3 Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội
- Điện thoại: 04- 3684 0095      Fax: 04-3684 0095
- Website: <http://www.INNprintco.com>
- Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103004779 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02 tháng 07 năm 2004, thay đổi lần thứ 3 ngày 23 tháng 11 năm 2012
- Vốn điều lệ: 81.000.000.000 (Tám mươi một tỷ) đồng
- Lĩnh vực kinh doanh chính:
  - ✓ In bản đồ, sách báo, văn hoá phẩm, tem nhãn bao bì và các tài liệu phục vụ cho sự phát triển ngành nông nghiệp và các ngành công nghiệp khác;
  - ✓ Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị ngành in;
  - ✓ Thiết kế tạo mẫu in, dịch vụ quảng cáo thương mại;
  - ✓ Kinh doanh khách sạn, nhà hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
  - ✓ Kinh doanh bất động sản và văn phòng cho thuê;
  - ✓ Kinh doanh, xuất nhập khẩu sắt thép, kim loại màu, thiết bị điện, điện tử, điện lạnh và linh kiện kèm theo; hàng nông sản, nhựa và các sản phẩm từ nhựa; Đại lý mua, đại lý bán ký gửi hàng hóa.

###### **1.2. Quá trình hình thành và phát triển**

- Công ty Cổ phần Bao bì và In Nông nghiệp tiền thân là một xưởng in vẽ bản đồ được thành lập năm 1969 với nhiệm vụ là thiết kế, vẽ bản đồ bằng tay phục vụ cho nhu cầu của Nhà nước.
- Năm 1970, cơ sở được đổi tên thành Xưởng in vẽ bản đồ và khung ảnh 1. Ngoài việc vẽ bản đồ cho nhà nước, Xưởng còn in các giấy tờ quản lý kinh tế và các loại tem nhãn hàng hóa.
- Năm 1983, xưởng được đổi tên thành Xí nghiệp in Nông nghiệp 1 trực thuộc Bộ nông nghiệp

theo Quyết định 150NN-TC/QĐ ngày 12/05/1983 với nhiệm vụ là in các tài liệu, sách cho ngành và các nhà xuất bản khác.

- Năm 1993, Xí nghiệp in nông nghiệp 1 được đổi tên thành xí nghiệp in Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm, theo Quyết định 120NN-TCCP/QĐ. Cùng với việc đổi tên, Xí nghiệp đã xác định lại định hướng phát triển, tập trung vào in bao bì và tem nhãn hàng hóa.
- Năm 2002, Xí nghiệp được đổi tên thành Công ty in Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm trực thuộc Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn theo Quyết định 19/2002/BNN-TCCB/QĐ.
- Ngày 01/07/2004, Công ty chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Bao bì và In Nông nghiệp theo Quyết định số 686 ngày 22/03/2004 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn với vốn điều lệ là 27 tỷ đồng, trong đó nhà nước nắm giữ 25%.
- Ngày 26/12/2007, Công ty đã chào bán thành công 2,7 triệu cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 54 tỷ đồng theo công văn số 260/UBCK-GCN của UBCKNN.
- Công ty đã niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hà nội và chính thức giao dịch kể từ ngày 22/01/2010 với mã chứng khoán: INN.
- Ngày 15/08/2012, UBCKNN chấp thuận cho Công ty chào bán 2,7 triệu cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 81 tỷ đồng theo công văn số 35/UBCK-GCN. Vốn điều lệ đến thời điểm 31/12/2014 của Công ty là 81 tỷ đồng.
- Trải qua hơn 40 năm hoạt động, với ưu thế về đội ngũ cán bộ kỹ thuật và công nhân có tay nghề cao được đào tạo chính quy ở trong và ngoài nước; hệ thống thiết bị hiện đại, thường xuyên được đổi mới, Công ty luôn đáp ứng nhu cầu của khách hàng trong và ngoài nước theo những tiêu chuẩn khắt khe nhất về chất lượng sản phẩm và dịch vụ tư vấn bao bì nhãn mác. Công ty là đơn vị có uy tín nhất trong lĩnh vực in trên màng nhôm cuộn ở thị trường phía Bắc với các khách hàng lớn như Traphaco, Dược Hà Tây, Dược Nam Hà, xí nghiệp dược TW1... Công ty còn là nhà cung cấp bao bì cho Công ty Thuốc lá Thăng Long, Công ty Thuốc lá Bắc Sơn, Công ty cổ phần Bóng đèn phích nước Rạng Đông, . . .

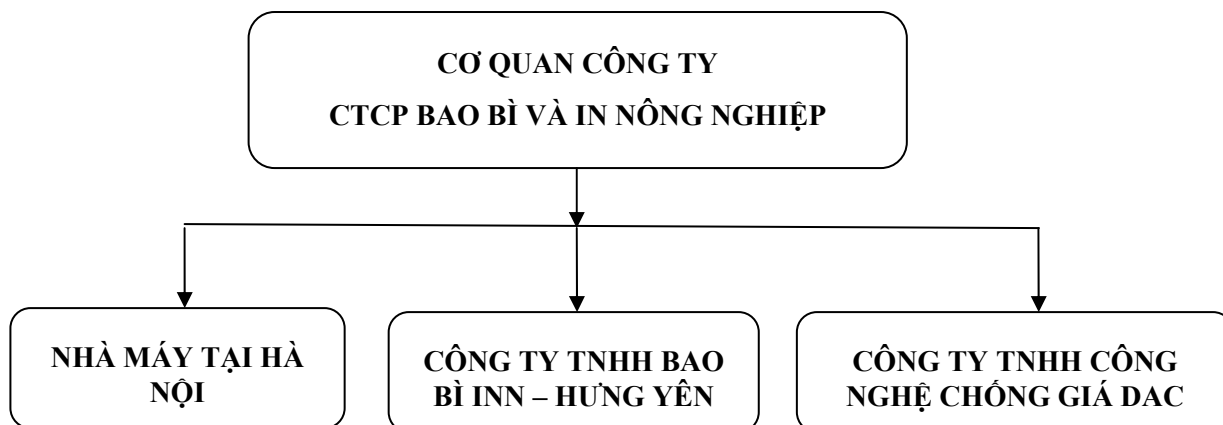
### **1.3. Một số thành tựu đạt được trong quá trình hoạt động và phát triển**

Chính nhờ những nỗ lực và cố gắng của tập thể Ban lãnh đạo và CBCNV, Công ty đã được vinh dự trao tặng:

- Huân chương Lao động Hạng 3 năm 1996;
- Huân chương Lao động Hạng 2 năm 2002 cùng nhiều cờ thi đua bằng khen khác của Chính phủ và Thành phố.



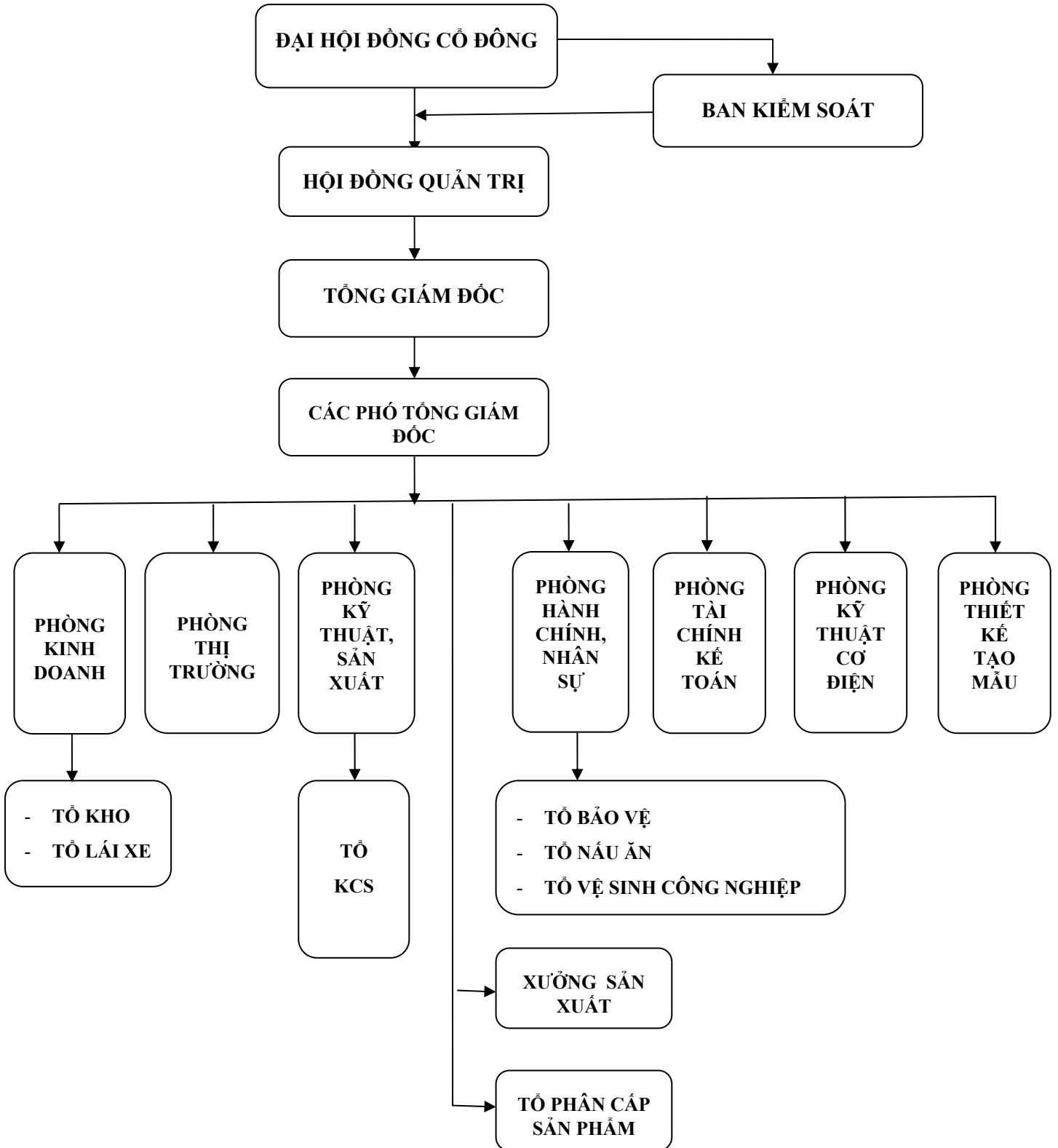
## **2. Cơ cấu tổ chức công ty**



- Công ty Cổ phần Bao bì và In nông nghiệp:  
Địa chỉ trụ sở: số 72 đường Trường Chinh, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội
- Nhà máy sản xuất tại Hà Nội:  
Địa chỉ: Lô 3–CN3, Khu công nghiệp Ngọc Hồi, xã Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội
- Công ty con: Công ty Cổ phần Bao bì và In nông nghiệp có 2 Công ty con
  - ❖ *Công ty TNHH Bao bì INN - Hưng Yên.*  
Địa chỉ: Thôn Hồng Thái, xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.  
Vốn điều lệ: 27.000.000.000 đồng (Hai mươi bảy tỷ đồng). INN sở hữu 100% vốn điều lệ.  
Lĩnh vực kinh doanh chính: In ấn và các dịch vụ liên quan đến in.
  - ❖ *Công ty TNHH Công nghệ Chống giả DAC*  
Địa chỉ: số 72 đường Trường Chinh, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội  
Vốn điều lệ: 5.400.000.000 đồng (Năm tỷ bốn trăm triệu đồng). INN sở hữu 100% vốn điều lệ  
Lĩnh vực kinh doanh chính: Các sản phẩm in, tư vấn công nghệ chống giả, In tem chống giả và các dịch vụ chống giả

**3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty**

**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY**



### **3.1. Đại hội đồng cổ đông**

ĐHĐCĐ Công ty là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, được tổ chức và hoạt động theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Thông qua Điều lệ, phương hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Bầu, bãi nhiệm HĐQT, BKS;
- Chia tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty;
- Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
- Các nhiệm vụ khác theo Điều lệ công ty quy định

### **3.2. Hội đồng quản trị**

Là cơ quan quản lý Công ty do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề quan trọng liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông. Hội đồng Quản trị có quyền và nghĩa vụ giám sát Tổng Giám đốc điều hành và những người quản lý khác trong Công ty. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do Pháp luật và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông quy định

Hội đồng quản trị Công ty hiện có 05 thành viên bao gồm: 01 Chủ tịch và 01 Phó chủ tịch và 03 thành viên.

- Quyết định kế hoạch sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của công ty;
- Xác định mục tiêu hoạt động trên cơ sở mục tiêu chiến lược đã được ĐHĐCĐ thông qua;
- Bổ nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý theo đề nghị của Tổng Giám đốc và quyết định mức lương theo chức năng;
- Đề xuất các loại cổ phiếu phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
- Quyết định triệu tập ĐHĐCĐ theo quy định;
- Các nhiệm vụ khác theo Điều lệ hoạt động của công ty quy định.

### **3.3. Ban Kiểm soát**

- Là cơ quan do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động quản lý của Hội đồng Quản trị, hoạt động điều hành kinh doanh của Tổng Giám đốc, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc.
- Kiểm tra giám sát toàn bộ mọi hoạt động trong nội bộ công ty;
- Hàng năm, trình ĐHĐCĐ các báo cáo thẩm tra tài chính, những sự kiện tài chính bất thường, những sự kiện có thể tác động xấu đến quyền và lợi ích của công ty, nêu ra những nhận xét về ưu và khuyết điểm trong quản lý của HĐQT và Tổng Giám đốc;
- Yêu cầu triệu tập họp HĐQT hoặc ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật;
- Các nhiệm vụ khác theo Điều lệ hoạt động của Công ty.

### **3.4. Ban Tổng Giám đốc điều hành**

- Tổng Giám đốc là người điều hành, quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Các Phó Tổng Giám đốc giúp việc Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các nội dung công việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Tổng Giám đốc ủy quyền theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

**Các phòng nghiệp vụ:**

- ✓ **Phòng Hành chính - Nhân sự:** có chức năng tham mưu giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo và tổ chức thực hiện các công tác: tổ chức bộ máy, cán bộ; tuyển dụng, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; lao động tiền lương, thi đua, khen thưởng, kỷ luật; kiểm tra an toàn - bảo hộ lao động, thực hiện chế độ chính sách với người lao động; quản trị hành chính Văn phòng Công ty...
- ✓ **Phòng Tài chính - Kế Toán :** có chức năng tham mưu giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác phân tích, hoạch định và kiểm soát tài chính kế toán trên phạm vi toàn Công ty; chấp hành thực hiện đầy đủ theo đúng các chế độ và quy định của nhà nước trong quản lý vốn và tài sản tại doanh nghiệp; tổ chức, quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn và tài sản của Công ty trong sản xuất kinh doanh; kế toán toàn bộ quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bằng việc thu nhận, xử lý kịp thời, chính xác các nghiệp vụ kinh tế có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh; tổ chức công tác kế toán theo chuẩn mực kế toán VN do bộ Tài chính ban hành; lập các báo cáo quyết toán tài chính quý, năm theo quy định của Nhà nước và của Công ty; tổ chức công tác kiểm kê tài sản, nguồn vốn theo định kỳ; tổ chức và quản lý các nguồn vốn đầu tư, chi phí đầu tư của Công ty; kết hợp với các đơn vị và Phòng Kế hoạch , kỹ thuật trong tổ chức thu tiền bán hàng, thu hồi công nợ và lập kế hoạch thanh toán nợ phải trả.
- ✓ **Phòng Kinh doanh:** có chức năng tham mưu giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo và tổ chức thực hiện các công tác: xây dựng quy hoạch, kế hoạch dài hạn, trung hạn, hàng năm về đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật; quản lý đầu tư xây dựng cơ bản; quản lý khai thác hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật; quản lý kỹ thuật an toàn; kiểm tra, giám sát chất lượng sản phẩm và nguyên liệu, phối hợp các phòng sản xuất để xử lý các khiếu nại của khách hàng, duy trì, cải tiến toàn bộ hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008, vụ quản lý môi trường theo ISO 14001: 2004 và từng giai đoạn phát triển. Phòng kinh doanh là đầu mối đàm phán, ký kết các hợp đồng kinh tế, nhận đặt in và tư vấn in, marketing tìm kiếm nguồn hàng, cung ứng vật tư thiết bị in và xuất nhập khẩu vật tư, quản lý kho hàng và đội xe.
- ✓ **Phòng Thị trường :** Có chức năng tham mưu cho Tổng Giám đốc tình hình biến động của thị trường, tổ chức hoạt động thương mại, buôn bán vật tư hàng hoá, thiết bị phát triển hướng kinh doanh thương mại của Công ty; Quảng bá thương hiệu Công ty, khai thác nguồn hàng và khách hàng.
- ✓ **Phòng Kỹ thuật - Sản xuất:** có chức năng tham mưu đề xuất cho Tổng Giám đốc và triển khai các giải pháp công nghệ, đổi mới quy trình kỹ thuật; phối hợp với phòng kinh doanh chào hàng các sản phẩm dịch vụ tiềm năng; tiếp nhận các đơn hàng từ phía phòng kinh doanh, thực hiện thiết kế mẫu mã, chế phim bình bản, thiết kế phương án kỹ thuật; theo dõi và kiểm tra chất lượng sản phẩm từ xưởng sản xuất.

- ✓ **Phòng Thiết Kế - Tạo mẫu:** có chức năng tạo mẫu- thiết kế đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Chịu trách nhiệm về chất lượng như: nội dung, hình thức cũng như tiến độ thực hiện khâu Tạo mẫu- Thiết kế- Ra phim...theo yêu cầu của sản xuất.
- ✓ **Phòng Kỹ thuật - Cơ điện:** là bộ phận chuyên trách lắp đặt, sửa chữa, bảo trì hệ thống máy móc điện năng cho toàn Công ty, đảm bảo cho các máy móc thiết bị được bảo quản vận hành tốt, hoạt động sản xuất kinh doanh được liên tục.
- ✓ **Xưởng Sản xuất:** có chức năng quản lý bố trí sắp xếp nhân lực vật tư, tổ chức sản xuất theo thiết kế mẫu mã đã được thông qua, đảm bảo trả hàng đúng yêu cầu về số lượng, chất lượng và thời gian.
- ✓ **Tổ Phân cấp sản phẩm:** có chức năng phân loại sản phẩm, đảm bảo giao cho khách hàng những sản phẩm đạt yêu cầu chất lượng.

Công ty hoạt động trong lĩnh vực in ấn và sản xuất bao bì, khách hàng chủ yếu là các doanh nghiệp nên việc đặt hàng, giao hàng được thực hiện trực tiếp với Phòng Kinh doanh của Công ty. Công ty không có chi nhánh cũng như cửa hàng, đại lý.

**4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; danh sách cổ đông sáng lập và Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại**

**4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty**

Cổ đông sở hữu từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty đến thời điểm ngày 28/02/2014

| Tên cổ đông                                           | Địa chỉ                                           | Số cổ phần (CP)  | Tỷ lệ/VĐL      |
|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|------------------|----------------|
| Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) | 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội               | 1.518.750        | 18,750%        |
| Nguyễn Thành Nam                                      | P604, D3, Tập thể Bộ Nông nghiệp, Đống Đa, Hà Nội | 1.047.000        | 12,926%        |
| <b>Tổng cộng</b>                                      |                                                   | <b>2.565.750</b> | <b>31,676%</b> |

(Nguồn: INN)

Thực hiện quyết định của Chính phủ về việc chuyển giao đại diện phần vốn nhà nước về Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC), kể từ thời điểm ngày 08/09/2006, SCIC là chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại Công ty. Tại thời điểm 28/02/2014 SCIC sở hữu 1.518.750 cổ phiếu, chiếm 18.75% vốn điều lệ Công ty.

**4.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ**

Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101508664 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/07/2004, thay đổi lần 3 ngày 23/11/2012, cổ đông sáng lập của

Công ty như sau:

| <b>Tên cổ đông</b>                                    | <b>Số cổ phần (CP)</b> | <b>Giá trị (VND)</b>  | <b>Tỷ lệ/VĐL</b> |
|-------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|------------------|
| Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) | 1.518.750              | 15.187.500.000        | 18,750%          |
| Lê Diễm Thanh                                         | 125.730                | 1.257.300.000         | 1,552%           |
| Trần Thị Thanh Vân                                    | 157.100                | 1.571.000.000         | 1,94%            |
| Đặng Trường Giang                                     | 276.000                | 2.760.000.000         | 3,407%           |
| Vũ Hồng Tuyền                                         | 162.598                | 1.625.980.000         | 2,007%           |
| <b>Tổng cộng</b>                                      | <b>2.240.178</b>       | <b>22.401.780.000</b> | <b>27,656%</b>   |

(Nguồn: INN)

Theo quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Doanh nghiệp, sau 03 năm kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều bị bãi bỏ. Công ty được cấp Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103004779 ngày 02/07/2004. Như vậy, đến thời điểm hiện tại, cổ phần của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng.

#### **4.3. Cơ cấu cổ đông**

Cơ cấu cổ đông của Công ty đến thời điểm ngày 28/02/2014

| <b>STT</b> | <b>Cổ đông</b>            | <b>Số lượng<br/>(cổ đông)</b> | <b>Số cổ phần<br/>(CP)</b> | <b>Giá trị<br/>(VND)</b> | <b>Tỷ lệ</b>   |
|------------|---------------------------|-------------------------------|----------------------------|--------------------------|----------------|
| <b>I</b>   | <b>Cổ đông trong nước</b> | <b>291</b>                    | <b>7.721.350</b>           | <b>77.213.500.000</b>    | <b>95,325%</b> |
| 1          | Cổ đông tổ chức           | 6                             | 1.781.831                  | 17.818.310.000           | 21,998%        |
| 2          | Cổ đông cá nhân           | 285                           | 5.939.519                  | 59.395.190.000           | 73,327%        |
| <b>II</b>  | <b>Cổ đông nước ngoài</b> | <b>14</b>                     | <b>378.650</b>             | <b>3.786.500.000</b>     | <b>4,675%</b>  |
| 1          | Cổ đông tổ chức           | 2                             | 160.000                    | 1.600.000.000            | 1,975%         |
| 2          | Cổ đông cá nhân           | 12                            | 218.650                    | 2.186.500.000            | 2,699%         |
|            | <b>Tổng cộng</b>          | <b>305</b>                    | <b>8.100.000</b>           | <b>81.000.000.000</b>    | <b>100%</b>    |

(Nguồn: INN)

**5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành.**

**5.1. Công ty mẹ; những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành:** *Không có*

**5.2. Công ty con, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:**

**1. Công ty TNHH Bao bì INN - Hưng Yên.**

Địa chỉ: Thôn Hồng Thái, xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

Vốn điều lệ: 27.000.000.000 đồng (Hai mươi bảy tỷ đồng).

Lĩnh vực kinh doanh chính: In ấn và các dịch vụ liên quan đến in.

Vốn điều lệ do INN sở hữu: 27.000.000.000 đồng, tương đương 100% vốn điều lệ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành Nam; Chức danh: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc;

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Vũ Hồng Tuyển.

**2. Công ty TNHH Công nghệ Chống giả DAC**

Địa chỉ: Số 72 đường Trường Chinh, phường Phương Mai, Q. Đống Đa, Hà Nội

Vốn điều lệ: 5.400.000.000 đồng (Năm tỷ bốn trăm triệu đồng)

Lĩnh vực kinh doanh chính: Các sản phẩm in, tư vấn công nghệ chống giả, In tem chống giả và các dịch vụ chống giả.

Vốn điều lệ do INN sở hữu: 5.400.000.000 đồng, tương đương 100% vốn điều lệ.

**6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty**

Quá trình tăng vốn của Công ty Cổ phần Bao bì và In Nông nghiệp như sau:

| STT                     | Số lượng cổ phần chào bán (CP) | Giá trị vốn tăng thêm (ĐVT:đồng) | Hình thức tăng vốn<br>Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                        | Đơn vị cấp                                                                        |
|-------------------------|--------------------------------|----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|
| Thành lập<br>22/03/2004 | 2.700.000                      | 27.000.000.000                   | Vốn điều lệ ban đầu thành lập theo quyết định số 686 ngày 22/03/2004 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Bao bì và In Nông nghiệp | Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn<br><br>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp |
| Lần 1:Năm               | 2.700.000                      | 27.000.000.000                   | Chào bán cổ phiếu ra công                                                                                                                                                                   | Ủy ban chứng                                                                      |

|                 |           |                |                                                                                                                                                                                           |                             |
|-----------------|-----------|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|
| 2007            |           |                | chúng theo giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 260/UBCK-GCN ngày 26/12/2007 của UBCKNN chấp thuận cho Công ty chào bán 2,7 triệu cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 54 tỷ đồng. | khoản Nhà nước              |
| Lần 2: Năm 2012 | 2.700.000 | 27.000.000.000 | Chào bán cổ phiếu ra công chúng theo Giấy chứng nhận số 35/UBCK-GCN ngày 15/08/2012 của UBCKNN chấp thuận cho Công ty chào bán 2,7 triệu cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 81 tỷ đồng.        | Ủy ban chứng khoán Nhà nước |

(Nguồn: INN)

## **7. Hoạt động kinh doanh**

### **7.1. Sản phẩm, dịch vụ**

Sản phẩm, dịch vụ chủ yếu của Công ty được chia thành các nhóm sau:

#### **❖ Các sản phẩm in ấn**

- In tờ rơi, tờ gấp, tạp chí, tem nhãn, Catalogue, bao bì hộp trên các chất liệu giấy, bìa và giấy phủ nhôm, đề can, đề can nhựa, hộp carton sóng E (bìa làm hộp có một lớp bìa sóng ở giữa). Công ty nhận in cho các mặt hàng chủ yếu như bao thuốc lá, bóng đèn, hộp thuốc tân dược, bánh kẹo, chè rượu...
- Chế bản Flexo (chế bản cho khổ lớn) cho các đơn vị in khác.
- Sản xuất màng nhôm ép vĩ cho ngành dược.
- Thiết kế tạo mẫu cho các sản phẩm in: Tư vấn bao bì nhãn mác cho sản phẩm
- Cung cấp vật tư thiết bị liên quan đến ngành in bao gồm giấy in các loại, mực in, vật tư ngành in, phế liệu ngành in như bản nhôm đã qua in, giấy lề.

#### **Một số sản phẩm in của INN**





❖ **Nhóm hàng thương mại, cung cấp dịch vụ**

- Từ năm 2008, Công ty bắt đầu tiến hành một số hoạt động thương mại. Đó là việc nhập khẩu và phân phối lại cho các đối tác trong nước mặt hàng vỉ nhựa dành cho đóng gói thuốc viên (vật tư). Sau hơn 5 năm thực hiện, Công ty đã có thị trường ổn định và đây là thị trường có nhiều tiềm năng phát triển, trong thời gian tới Công ty sẽ tiếp tục nghiên cứu đẩy mạnh hoạt động này nhằm nâng cao doanh số cũng như lợi nhuận của Công ty.

❖ **Dịch vụ cho thuê văn phòng**

- Văn phòng của Công ty ở số 72 đường Trường Chinh, Hà Nội được thuê trong thời gian 30 năm từ năm 2003. Tháng 04/2007, sau khi di chuyển nhà máy xuống Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội, Công ty đã ký hợp đồng cho thuê từ năm 2008, tiền cho thuê bình quân đạt 1,7 tỷ VNĐ/năm.

**7.2. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm**

Cơ cấu Tổng doanh thu thuần của Công ty (Công ty mẹ)

Đơn vị: đồng

| Sản phẩm                    | Năm 2012               |             | Năm 2013               |             | Quý 1/2014             |             |
|-----------------------------|------------------------|-------------|------------------------|-------------|------------------------|-------------|
|                             | Giá trị                | Tỷ trọng    | Giá trị                | Tỷ trọng    | Giá trị                | Tỷ trọng    |
| Doanh thu bán thành phẩm    | 347.980.024.811        | 81,47%      | 462.057.177.782        | 81,41%      | 116.278.550.774        | 80,47%      |
| Doanh thu bán hàng hóa      | 58.101.594.888         | 13,60%      | 26.043.845.164         | 4,59%       | 6.498.218.210          | 4,50%       |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ  | 21.042.746.024         | 4,93%       | 79.496.386.866         | 14,01%      | 21.730.189.630         | 15,03%      |
| <b>Tổng Doanh thu thuần</b> | <b>427.124.365.723</b> | <b>100%</b> | <b>567.597.409.812</b> | <b>100%</b> | <b>144.506.958.614</b> | <b>100%</b> |

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2012, 2013, BCTC quý 1/2014 - INN)

**Cơ cấu Tổng doanh thu thuần của Công ty (Hợp nhất)**

*Đơn vị: đồng*

| Sản phẩm                       | Năm 2012               |             | Năm 2013               |             |
|--------------------------------|------------------------|-------------|------------------------|-------------|
|                                | Giá trị                | Tỷ trọng    | Giá trị                | Tỷ trọng    |
| Doanh thu bán thành phẩm       | 337.798.684.922        | 81,02%      | 455.159.839.096        | 81,18%      |
| Doanh thu bán hàng hóa, vật tư | 58.101.594.888         | 13,94%      | 26.043.845.164         | 4,64%       |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ     | 21.042.746.024         | 5,05%       | 79.496.386.866         | 14,18%      |
| <b>Tổng Doanh thu thuần</b>    | <b>416.943.025.834</b> | <b>100%</b> | <b>560.700.071.126</b> | <b>100%</b> |

*(Nguồn: BCTC kiểm toán 2012, 2013 INN)*

**Cơ cấu Lợi nhuận gộp của Công ty (Công ty mẹ)**

| Sản phẩm                       | Năm 2012              |             | Năm 2013              |             | Quý 1/2014            |             |
|--------------------------------|-----------------------|-------------|-----------------------|-------------|-----------------------|-------------|
|                                | Giá trị               | Tỷ trọng    | Giá trị               | Tỷ trọng    | Giá trị               | Tỷ trọng    |
| Lợi nhuận bán thành phẩm       | 55.263.896.570        | 76,32%      | 72.104.371.840        | 85,01%      | 17.676.370.760        | 89,37%      |
| Lợi nhuận bán hàng hóa, vật tư | 3.105.083.674         | 4,29%       | 1.391.843.349         | 1,64%       | 483.574.739           | 2,45%       |
| Lợi nhuận cung cấp dịch vụ     | 14.042.577.079        | 19,39%      | 11.326.215.520        | 13,35%      | 1.617.084.936         | 8,18%       |
| <b>Tổng Lợi nhuận gộp</b>      | <b>72.411.557.323</b> | <b>100%</b> | <b>84.822.430.709</b> | <b>100%</b> | <b>19.777.030.435</b> | <b>100%</b> |

*(Nguồn: BCTC kiểm toán 2012, 2013; BCTC quý 1/2014 - INN)*

**Cơ cấu Lợi nhuận gộp của Công ty (Hợp nhất)**

| Sản phẩm                       | Năm 2012              |             | Năm 2013              |             |
|--------------------------------|-----------------------|-------------|-----------------------|-------------|
|                                | Giá trị               | Tỷ trọng    | Giá trị               | Tỷ trọng    |
| Lợi nhuận bán thành phẩm       | 76.611.804.913        | 100%        | 83.979.733.887        | 86,85%      |
| Lợi nhuận bán hàng hóa, vật tư | 0                     | 0%          | 1.391.843.349         | 1,44%       |
| Lợi nhuận cung cấp dịch vụ     | 0                     | 0%          | 11.326.215.520        | 11,71%      |
| <b>Tổng Lợi nhuận gộp</b>      | <b>76.611.804.913</b> | <b>100%</b> | <b>96.697.792.756</b> | <b>100%</b> |

*(Nguồn: BCTC kiểm toán 2012, 2013 INN)*

**7.3. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực đầu tư, sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ chính của tổ chức phát hành**

Trong năm 2013, Công ty Cổ phần Bao bì và In Nông nghiệp thực hiện đầu tư xây dựng, mua sắm các trang thiết bị, máy móc sau:

*a) Đầu tư cho nhà máy tại Ngọc Hồi, Hà Nội:*

- Đầu tư 01 Máy Bể hiệu MK-1060ST mới 100% trị giá 376.000 USD.
- Xây dựng nhà để xe 02 tầng cho Cán bộ công nhân viên.
- Đầu tư hệ thống Máy làm khuôn Laze mới 100% trị giá 531,300 EUR.
- Thuê 3.000 m2 nhà xưởng của Công ty cơ khí Ngô Gia Tự với chi phí 1,8 tỷ đồng/năm.

*b) Đầu tư cho nhà máy tại Hưng Yên:*

- Đầu tư 01 Máy Chia cuộn kỹ thuật số FTH-1300 mới 100% trị giá 1,69 tỷ đồng.
- Đầu tư 01 Máy in cuộn mới 100% trị giá 720 triệu đồng.
- Đầu tư một số thiết bị phụ trợ khác.

*c) Kết quả đầu tư:*

❖ Đầu tư thiết bị:

- Các thiết bị sau khi đưa về vận hành đã đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng, đặc biệt ở các tháng cuối năm. Các thiết bị trên đã hỗ trợ cho Công ty tạo ra được sự khác biệt đối với các công ty khác trong ngành in.
- Chất lượng sản phẩm của các thiết bị đã đáp ứng rất tốt yêu cầu của khách hàng, làm tăng khả năng cạnh tranh sản phẩm của Công ty trên thị trường, từ đó làm tăng doanh thu, tăng lợi nhuận, hoàn thành các mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông 2013 đã đề ra.
- Đến nay các thiết bị đầu tư trong năm 2013 đã được sử dụng gần hết công suất.

❖ Đầu tư Nhà máy tại Hưng Yên:

- Nhà máy sản xuất bao bì tại Hưng Yên đến nay đã đi vào hoạt động ổn định, có hiệu quả. Tổ chức bộ máy quản lý và điều hành đã dần đi vào nề nếp.

**7.4. Nguyên vật liệu**

❖ **Nguyên vật liệu sản xuất:**

Nguyên vật liệu là một trong những yếu tố cơ bản và quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Nguyên vật liệu chủ yếu của Công ty là giấy in, mực in và hóa chất có liên quan. Nguồn nguyên liệu của Công ty được sử dụng chủ yếu từ nguyên liệu ngoại nhập nhằm đảm bảo chất lượng của sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng.

**Nguyên liệu Giấy:** Giấy dùng cho sản xuất các sản phẩm của Công ty gồm:

- Giấy Duplex các định lượng (250, 300, 350, 450 g/m2 ...): dùng để in bao bì hộp các loại.

- Giấy IVORY các định lượng (220, 310... g/m<sup>2</sup>): In các loại thuốc lá xuất khẩu, hộp thuốc tân dược...
- Giấy Couches các định lượng (80, 100, 150, >... g/m<sup>2</sup>): dùng để in tem nhãn, ...
- Giấy tráng nhôm: dùng để in các loại thuốc lá, nhãn, hộp cao cấp . . .
- Các loại đề can: Dùng để in tem nhãn bánh kẹo, nước khoáng, dầu ăn . . .
- Màng nhôm: Dùng để in ép vi thuốc tân dược
- Màng BOPP: Dùng để cán lạng

**Mực in và hoá chất:** Công ty sử dụng các nguyên liệu chất lượng cao nhập từ Đức, Hàn Quốc và Nhật ...

❖ ***Sự ổn định của các nguồn cung cấp nguyên vật liệu:***

Do ký kết các hợp đồng nhập khẩu trực tiếp với các Nhà sản xuất nguyên vật liệu nước ngoài, không qua khâu trung gian, giá đầu vào của các nguyên liệu chính như: màng nhôm, giấy, mực ... luôn là giá tốt nhất trên thị trường vào từng thời điểm. Các nhà phân phối nước ngoài đều là nhà cung cấp lớn nên nguồn hàng luôn được đảm bảo ổn định.

Các nhà cung cấp chính:

- |                                  |             |
|----------------------------------|-------------|
| - Johs-Rieckerman (Anh, Đức)     | : Mực in    |
| - Melchers Techexport GMBH (Đức) | : Màng nhôm |
| - KPT Co., Ltd (Hàn quốc)        | : Giấy in   |
| - PT.Surya Pamenang (Hàn quốc)   | : Giấy in   |
| - Hanwha Corporation (Hàn quốc)  | : Giấy in   |
| - Hengfeng                       | : Giấy in   |

❖ ***Biến động giá nguyên vật liệu và sự tác động đến kết quả kinh doanh:***

Trong năm 2013, tình hình giấy nguyên liệu cũng có những biến động, giá giấy biến động tăng khiến cho nhiều doanh nghiệp bao bì và in ấn gặp khó khăn. Công ty đã nỗ lực tìm kiếm nguồn hàng nhập khẩu với giá nguyên liệu tốt nhất, duy trì một tỉ lệ tồn kho (nguyên liệu, vật liệu) hợp lý và theo dõi thông tin chặt chẽ những biến động trên thị trường nguyên liệu, để kịp thời nhập hoặc bán nguyên vật liệu cho phù hợp từng giai đoạn nhằm bảo toàn vốn. Bên cạnh đó, đối tác cung cấp nguyên vật liệu cho Công ty là những doanh nghiệp lớn và có uy tín trên thị trường. Đồng thời, Công ty đã từng bước thuyết phục khách hàng nâng cao đơn giá in ấn để bù đắp cho sự tăng lên của nguyên liệu đầu vào. Nhờ những chính sách hiệu quả trên, trong năm 2013, dù chịu ảnh hưởng của thị trường, Công ty vẫn duy trì được hoạt động kinh doanh ổn định, đạt được mức tăng trưởng tốt.

## **7.5. Chi phí sản xuất**

Cơ cấu Tổng chi phí của Công ty (Công ty mẹ)

*Đơn vị: đồng*

**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ VÀ IN NÔNG NGHIỆP (INN)**

| Khoản mục           | Năm 2012               |             | Năm 2013               |             | Quý 1/2014             |             |
|---------------------|------------------------|-------------|------------------------|-------------|------------------------|-------------|
|                     | Giá trị                | Tỷ trọng    | Giá trị                | Tỷ trọng    | Giá trị                | Tỷ trọng    |
| Giá vốn hàng bán    | 354.712.808.400        | 90,60 %     | 482.774.979.103        | 92,94%      | 124.729.928.179        | 91,19%      |
| Chi phí tài chính   | 5.825.853.272          | 1,49%       | 1.829.618.216          | 0,35%       | 445.682.365            | 0,33%       |
| Chi phí bán hàng    | 3.024.023.705          | 0,77%       | 3.568.741.365          | 0,69%       | 911.306.578            | 0,67%       |
| Chi phí quản lý     | 27.587.132.219         | 7,05%       | 30.538.972.723         | 5,88%       | 9.003.960.694          | 6,58%       |
| Chi phí khác        | 366.666.666            | 0,09%       | 720.000.000            | 0,14%       | 1.696.500.000          | 1,23%       |
| <b>Tổng chi phí</b> | <b>391.516.484.262</b> | <b>100%</b> | <b>519.432.311.407</b> | <b>100%</b> | <b>136.787.377.816</b> | <b>100%</b> |

(Nguồn: INN)

Cơ cấu Tổng chi phí của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị: đồng

| Khoản mục           | Năm 2012               |             | Năm 2013               |             |
|---------------------|------------------------|-------------|------------------------|-------------|
|                     | Giá trị                | Tỷ trọng    | Giá trị                | Tỷ trọng    |
| Giá vốn hàng bán    | 340.331.220.921        | 89,65%      | 464.002.278.370        | 91,75%      |
| Chi phí tài chính   | 5.849.016.539          | 1,54%       | 1.525.563.620          | 0,30%       |
| Chi phí bán hàng    | 3.058.173.705          | 0,81%       | 3.666.841.180          | 0,73%       |
| Chi phí quản lý     | 30.025.701.996         | 7,91%       | 35.712.778.544         | 7,06%       |
| Chi phí khác        | 372.039.966            | 0,10%       | 799.551.417            | 0,16%       |
| <b>Tổng chi phí</b> | <b>379.636.153.127</b> | <b>100%</b> | <b>505.707.013.131</b> | <b>100%</b> |

(Nguồn: INN)

Chi phí giá vốn hàng bán là chi phí chiếm tỷ trọng lớn trong Tổng chi phí hoạt động của Công ty (chiếm 90%), chính vì vậy những yếu tố biến động của nguyên liệu đầu vào luôn được lãnh đạo của Công ty quan tâm theo dõi để từ đó đưa ra những chính sách phù hợp cho từng thời kỳ nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững cho Công ty.

### **7.6. Trình độ công nghệ**

Trong nhiều năm qua, Công ty Cổ phần Bao bì và In nông nghiệp luôn thuộc nhóm 4 doanh nghiệp ngành in tem nhãn hàng đầu của miền Bắc, dẫn đầu về trình độ công nghệ hiện đại và sức cạnh tranh trên thị trường. Công ty bắt đầu bước sang giai đoạn mới để vươn ra thị trường khu vực và thế giới, đón nhận các hợp đồng gia công cho nước ngoài có giá trị cao về kinh tế. Các ưu thế nổi trội của Công ty được thể hiện thông qua các mặt sau:

- Với kinh nghiệm nhiều năm trong lĩnh vực in bao bì việc chế phim được chuẩn hóa cho từng loại sản phẩm.
- Chế khuôn bế cho các sản phẩm yêu cầu chính xác cao về hình học từ đơn giản đến phức tạp đáp ứng cho các dây chuyền đóng gói tự động: thuốc lá, dược phẩm...
- Có thể xuất phim từ các file số của tất cả các phần mềm đồ họa hiện có trên thế giới.
- Với dây chuyền máy móc hiện đại, nhập khẩu từ Đức, Thụy Sĩ..., cùng đội ngũ nhân viên kỹ thuật có tay nghề cao và năng lực sản xuất đạt tới 2 tỷ trang in 13×19 trong 1 năm.
- Có thể hoàn thành các đơn đặt hàng lớn, phức tạp trong thời gian ngắn nhất với chất lượng hoàn hảo, trên mọi chất liệu.
- Là một công ty in chuyên về sản xuất bao bì, INN có hệ thống máy móc chuyên dụng, khép kín từ khâu cắt xén, bế hộp, ép nhũ, cán láng, dán hộp...có thể đáp ứng các nhu cầu khắt khe nhất của khách hàng.



**Máy chế bản Flexo tự động**



**Máy in Offset ROLAN 200**





**Máy bế hộp tự động**



**Máy in Flexo 6màu**



**Máy dán hộp đa năng**



**Máy xén tự động**

- Là một công ty in chuyên về sản xuất bao bì, Công ty có hệ thống máy móc chuyên dụng, khép kín từ khâu cắt xén, bế hộp, ép nhũ, cán láng, dán hộp, máy bồi, máy tráng gương để sản xuất ra sản phẩm cao cấp... có thể đáp ứng các nhu cầu khắt khe nhất của khách hàng, cũng như phù hợp với sự phát triển thị hiếu của thị trường

❖ **Danh mục máy móc thiết bị của Công ty**

| STT | Máy móc thiết bị                                    | Năm sử dụng | Nguyên Giá (đồng) |
|-----|-----------------------------------------------------|-------------|-------------------|
| 1   | Máy in offset 5 màu Roland R 705 LV – HiPrint (Đức) | 2008        | 25.624.581.500    |
| 2   | Máy bế ép Foil tự động (MK 920 YM –II , Đài Loan)   | 2008        | 4.561.951.060     |
| 3   | Máy bế Nhật Sugano NSF 1280                         | 2008        | 1.125.000.000     |
| 4   | Máy chia cuộn SLF – 1000 (Trung Quốc)               | 2007        | 762.850.000       |
| 5   | Máy in Flexo Kdo 260 (6 màu UV) của Anh             | 2007        | 5.653. 515.280    |
| 6   | Máy in Flexo Galus (6 màu UV) Thụy Điển             | 2004        | 15.415.646.682    |

| <b>STT</b> | <b>Máy móc thiết bị</b>                                     | <b>Năm sử dụng</b> | <b>Nguyên Giá<br/>(đồng)</b> |
|------------|-------------------------------------------------------------|--------------------|------------------------------|
| 7          | Máy in Heizeberg (1 màu) của Đức                            | 2003               | 1.469.658.450                |
| 8          | Máy in Heizeberg (1 màu) của Đức                            | 2003               | 2.186.406.260                |
| 9          | Máy in Manroland UV ( 2 màu) của Đức                        | 2003               | 2.892.128.850                |
| 10         | Máy in Manroland (2 màu) của Đức                            | 2003               | 2.893.907.400                |
| 11         | Máy bẻ TQ MW1050                                            | 2002               | 1.484.742.394                |
| 12         | Máy bồi giấy LAMINA của Thụy Điển                           | 2008               | 2.657.802.104                |
| 13         | Máy bẻ phẳng tự động Bobst                                  | 2010               | 9.021.668.975                |
| 14         | Máy bẻ tự động MK1060MF                                     | 2011               | 5.203.968.000                |
| 15         | Máy dán hộp tự động TA1100-c3                               | 2011               | 3.661.636.000                |
| 16         | Dây chuyền máy chế bản CTP nhiệt Kodak Trend                | 2011               | 3.153.279.609                |
| 17         | Máy in Offset tờ rời 6 màu tốc độ cao Roland 706 LV Hiprint | 2012               | 38.000.000.000               |
| 18         | Máy xén POLAR                                               | 2012               | 3.100.000.000                |
| 19         | Máy mài dao tự động DMSQ-1700K                              | 2012               | 216.000.000                  |
| 20         | Máy Dán lưng xếp biên FGB-400M                              | 2012               | 1.600.000.000                |
| 21         | Máy Dán đa năng 3 biên FGB-600TD                            | 2012               | 1.780.000.000                |
| 22         | Máy chia cuộn nhỏ JH-320                                    | 2012               | 95.000.000                   |
| 23         | Máy dán lưng làm túi bao bì màng nhựa ZP-250                | 2012               | 165.000.000                  |
| 24         | Máy ghép màng khô DL 200                                    | 2012               | 6.000.000.000                |
| 25         | Máy Bẻ hiệu MK-1060ST mới 100%                              | 2013               | 7.896.000.000                |
| 26         | Hệ thống Máy làm khuôn Laze mới 100%                        | 2013               | 15.301.000.000               |
| 27         | Máy Chia cuộn kỹ thuật số FTH-1300 mới 100%                 | 2013               | 1.690.000.000                |
| 28         | Máy in cuộn mới 100%                                        | 2013               | 720.000.000                  |

Đặc tính kỹ thuật máy in mới đầu tư năm 2008, Roland R705LV HiPrint:

- Công nghệ tiên tiến, tuân thủ yêu cầu về an toàn môi trường, bảo vệ sức khỏe người lao động theo tiêu chuẩn EC Machinery Directive.
- Hệ thống điều khiển điện tử kỹ thuật số từ bàn điều khiển trung tâm. Các hệ thống điều khiển căn chỉnh giấy, tay kê, truyền mực, làm ẩm, sấy hồng ngoại, bôi trơn, cấp khí ... được thiết kế hoàn chỉnh.



- Khổ giấy in rộng 740mm x 1040mm, một lượt có thể in được 5 màu, với công suất tối đa 16.000 tờ một giờ.

Nếu tính 50% công suất thiết kế với số mẫu bình quân 3 mẫu, 1 công in 8 giờ làm việc đạt 74 triệu trang in tiêu chuẩn 13mm x 19mm tương đương với 20 công in của máy 1 mẫu.

Như vậy với việc trang bị thêm máy Roland R705 LV HiPrint, Công ty có đủ năng lực cạnh tranh về chất lượng cũng như thời gian đáp ứng nhanh theo yêu cầu của khách hàng.

Máy in Flexo nhập mới nguyên chiếc từ Đức của hãng Galus và KDO, một trong những nhà cung cấp máy in hàng đầu thế giới.

Đặc tính kỹ thuật của máy in Flexo như sau:

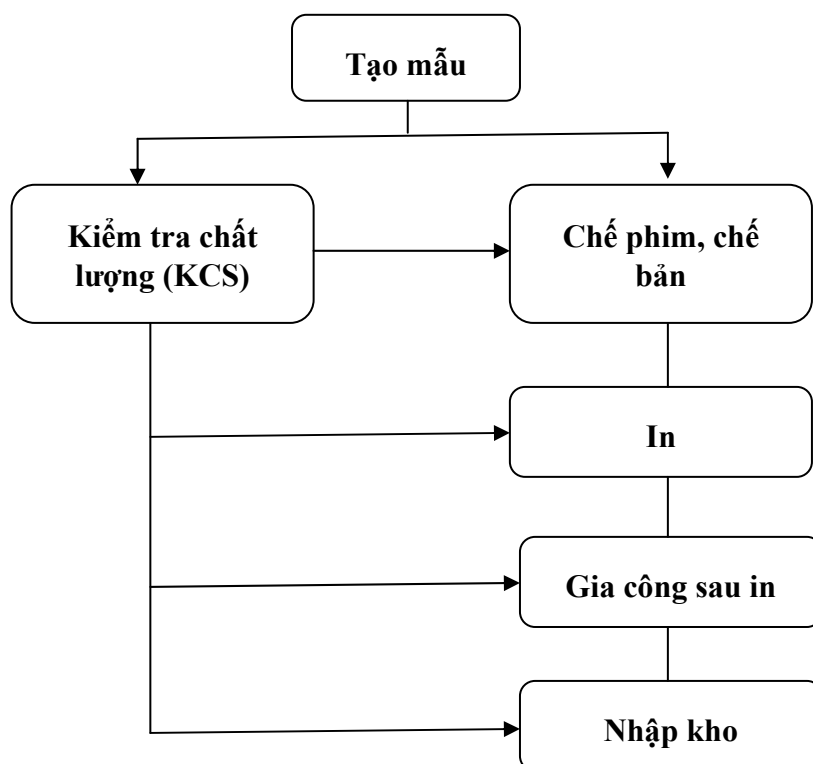
- Dây chuyền khép kín từ khâu đưa giấy cuộn vào hệ thống đến khâu cắt bế thành sản phẩm hoàn chỉnh.
- Đầu ra sản phẩm đa năng có thể là dạng nhãn, tờ rơi hoặc dạng cuộn thích hợp cho các dây chuyền đóng gói tự động phía sau.
- Công nghệ in 6 màu, in nổi, phủ bóng vec ni, in trên nhiều loại vật liệu khác nhau tạo ra các sản phẩm đa dạng phong phú cạnh tranh được với các sản phẩm in ở các nước có công nghệ in tiên tiến trên thế giới.
- Công suất 500.000 vỏ hộp/ ca máy (sản phẩm chủ yếu là vỏ hộp thuốc lá, vỏ hộp thuốc được phẩm, các loại màng nhôm, đề can cuộn)
- Tiêu hao nguyên liệu ít.
- Đảm bảo yếu tố môi trường theo tiêu chuẩn Châu Âu (do việc sử dụng mực in có nguồn gốc thực vật)
- Trình độ tự động hóa cao thông qua việc sử dụng ít lao động trong một ca làm việc: 5 công nhân với công suất in 500.000 vỏ hộp/ca máy so với in ấn theo truyền thống với 15-20 công nhân và công suất in đạt tối đa 300.000 vỏ hộp/ca máy.
- Với dây chuyền đồng bộ trên, Công ty có thể đáp ứng được các nhu cầu về in cho các dây chuyền đóng gói tự động như dầu ăn, thuốc lá, bánh kẹo, bia, rượu, dược phẩm...

#### **7.7. *Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ***

- ❖ Hệ thống quản lý chất lượng

Hệ thống tiêu chuẩn ISO 9001:2008 – ISO 14001:2004 có thể mạnh và kinh nghiệm trên các lĩnh vực: Thiết kế – Tạo mẫu Sản xuất bao bì chuyên dụng và cao cấp trên công nghệ In Offset, In Flexo, In Ống đồng. Sản xuất tem chống giả Kỹ thuật số.

❖ Quy trình công nghệ và kiểm tra chất lượng



a. Tạo mẫu:

Bộ phận thiết kế tạo mẫu là trái tim của doanh nghiệp in. Tại INN, quy trình thiết kế tạo mẫu được thực hiện với phong cách sáng tạo, đầy cảm hứng bởi các họa sĩ chuyên nghiệp được đào tạo từ các trường Mỹ thuật danh tiếng.

- Hệ thống máy móc hiện đại, luôn được cập nhật các phần mềm, kinh nghiệm lâu năm trong việc tạo mẫu cho sản phẩm bao bì.
- Mọi ý tưởng của Quý khách đều được hiện thực hóa trong sản phẩm in, giúp Quý khách đạt hiệu quả cao trong hoạt động tiếp thị và bán hàng.

b. Chế phim, chế bản, khuôn bế:

- Với kinh nghiệm nhiều năm trong lĩnh vực in bao bì việc chế phim được chuẩn hóa cho từng loại sản phẩm.
- Chế khuôn bế cho các sản phẩm yêu cầu chính xác cao về hình học từ đơn giản đến phức tạp đáp ứng cho các dây chuyền đóng gói tự động: thuốc lá, dược phẩm...
- Có thể xuất phim từ các file số của tất cả các phần mềm đồ họa hiện có trên thế giới.

c. Bộ phận in:

- Với dây chuyền máy móc hiện đại, nhập khẩu từ Đức, Thụy Sĩ..., cùng đội ngũ nhân viên kỹ thuật có tay nghề cao và năng lực sản xuất đạt tới 2 tỷ trang in 13×19 trong 1 năm. Chúng tôi có thể hoàn thành các đơn đặt hàng lớn, phức tạp trong thời gian ngắn nhất với chất lượng hoàn hảo, trên mọi chất liệu.

d. Gia công sau in:

- Là một công ty in chuyên về sản xuất bao bì, INN có hệ thống máy móc chuyên dụng, khép kín từ khâu cắt xén, bế hộp, ép nhũ, cán láng, dán hộp...có thể đáp ứng các nhu cầu khắc khe nhất của khách hàng.

e. KCS (Kiểm tra chất lượng sản phẩm):

- Chất lượng sản phẩm là điều sống còn của các đơn vị sản xuất.
- Đội ngũ KCS được coi như các vệ sỹ bảo vệ duy trì, nâng cao chất lượng sản phẩm. Tất cả các sản phẩm, bán sản phẩm đều được kiểm tra kỹ lưỡng, không những giúp cho sản phẩm có chất lượng đồng nhất mà còn cung cấp những thông tin kịp thời rút kinh nghiệm nâng cao chất lượng sản phẩm, hợp lý hóa sản xuất.

f. Hệ thống kho chứa:

- Với mặt bằng lớn, hệ thống kho tàng đồng bộ nên vật tư, thành phẩm in được bảo quản trong điều kiện tốt nhất ngay cả các sản phẩm yêu cầu chế độ vệ sinh ngặt nghèo như hộp thuốc tân dược, hộp đựng thực phẩm, thuốc lá...

❖ **Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm**

Nền tảng cho mọi định hướng phát triển trước mắt cũng như lâu dài của Công ty là chính sách chất lượng sản phẩm và dịch vụ. Bộ phận kiểm tra chất lượng sản phẩm (KCS) là cốt lõi của chính sách này.

Bộ phận KCS tham gia vào mọi công đoạn của quy trình công nghệ, đảm bảo cho sản phẩm sản xuất ra đạt tiêu chuẩn kỹ thuật cao, đúng mẫu mã, màu sắc và kích thước. Bộ phận KCS có 2 nhiệm vụ chính: (i) thiết lập nên các tiêu chí về chất lượng và thực hiện kiểm tra mẫu, (ii) giám sát tổ phân loại sản phẩm.

Tổ phân loại sản phẩm là bộ phận thực hiện khâu kiểm tra cuối cùng đối với từng sản phẩm trước khi xuất xưởng. Tổ phân cấp sản phẩm chịu sự giám sát của Bộ phận KCS.

Bộ phận KCS đã xây dựng nên bảng tiêu chuẩn chất lượng cho từng công đoạn sản phẩm dựa trên các tiêu chuẩn quốc tế. Sau đây là một số nội dung kiểm tra chính của từng công đoạn:

- Chế phim, bình phim: mật độ quang học, độ phân giải, kích thước, độ chính xác...
- Sản phẩm in: mẫu màu, độ phản xạ màu, khả năng chống chà xước...
- Gia công sau in: độ bám dính của các sản phẩm khi dán, tiêu chuẩn kích thước...
- Nhập kho: số lượng sản phẩm, nhãn mác gói sản phẩm

Với quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm chặt chẽ và hệ thống tiêu chuẩn quốc tế, các sản phẩm Công ty làm ra luôn đáp ứng yêu cầu khắc khe của thị trường và tạo được uy tín cho khách hàng.

Bộ phận kiểm tra chất lượng của công ty: Phòng kỹ thuật sản xuất

## **7.8. Hoạt động Marketing**

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường tại Việt Nam, những năm gần đây ngành

công nghiệp in phát triển mạnh mẽ cả về quy mô lẫn chất lượng. Hiện cả nước có trên 500 cơ sở in lớn nhỏ, do vậy mức độ cạnh tranh trên thị trường in tem nhãn và bao bì là rất lớn. Công ty Cổ phần Bao bì và In Nông nghiệp có những thế mạnh sau:

- Công ty có năng lực sản xuất khá cao: khoảng trên 2 tỷ trang in/năm; trên 500 triệu sản phẩm tem nhãn, bao bì các loại.
- Công ty có đội ngũ công nhân tốt, nhiều năm kinh nghiệm trong ngành in và sản xuất tem nhãn bao bì. Là một trong những công ty hàng đầu về lĩnh vực in và sản xuất tem nhãn bao bì trên thị trường miền Bắc Việt Nam.
- Hệ thống dây chuyền in ấn đồng bộ, trình độ công nghệ hiện đại.
- Có thị phần lớn trong lĩnh vực in ấn vỏ bao thuốc lá, bao bì dược trong phạm vi miền Bắc.

Chiến lược Marketing trong giai đoạn tới được công ty thể hiện trên một số khía cạnh:

- Duy trì và phát triển các mặt hàng truyền thống như: tem nhãn, hộp giấy, catalogue, in màng nhôm, in decal nhựa hoặc in bằng giấy phủ nhôm... đặc biệt phát triển các mặt hàng đòi hỏi chất lượng sản phẩm cao và đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường. Đây là cách tốt nhất để phát huy thế mạnh về công nghệ của Công ty và xây dựng một chiến lược sản phẩm đạt chất lượng nổi bật với mức chi phí cạnh tranh.
- Công ty sẽ tiếp tục duy trì và tập trung phục vụ tốt nhóm khách hàng đã có quan hệ truyền thống với công ty. Đưa ra các biện pháp nhằm duy trì mối quan hệ thân thiết với các khách hàng này dựa trên các biện pháp đảm bảo chất lượng sản phẩm nhưng vẫn đảm bảo sự ổn định về chi phí của sản phẩm, đưa ra các biện pháp nhằm hạn chế sự biến động của nguyên liệu đầu vào với các hợp đồng ký dài hạn. Công ty đặt mỗi quan tâm đặc biệt đến các khách hàng trong các khu công nghiệp nhất là các doanh nghiệp nước ngoài.
- Công ty tìm kiếm các khách hàng mới cũng như mặt hàng mới dựa trên việc đánh giá nhu cầu tiềm năng của thị trường. Công ty đang quan tâm đến một số lĩnh vực bao bì và in mới như: bao bì đặc biệt cho hàng thực phẩm ăn ngay, với hạn sử dụng rất ngắn hoặc in ấn các sản phẩm cao cấp hỗ trợ cho việc chống làm hàng giả, hàng nhái. Việc tìm ra các ngách sản phẩm mới sẽ nâng cao vị thế và khả năng cạnh tranh của công ty trên thương trường.

#### **7.9. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền**

Logo của Công ty đã đăng ký độc quyền về kiểu dáng tại Cục sở hữu trí tuệ Việt nam



#### **7.10. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết**

Các hợp đồng của Công ty được phân thành hai nhóm:

- Nhóm hợp đồng nguyên tắc và thường xuyên.
- Nhóm hợp đồng riêng lẻ và cụ thể

Công ty thường ký hợp đồng nguyên tắc với các khách hàng lớn và thường xuyên như: Công ty thuốc lá Thăng Long, Công ty Thuốc lá Bắc Sơn, Công ty thuốc lá Thanh Hoá, Công ty cổ phần Bánh kẹo Hải Hà, Công ty cổ phần dược Hà Tây, Công ty CP dược Nam Hà, Công ty cổ phần Bóng đèn phích nước Rạng Đông, Công ty cổ phần Dược Traphaco... Hàng tháng, hàng quý, khách hàng gửi đơn đặt hàng tới Công ty để thực hiện theo khối lượng phát sinh của từng tháng.

Với các khách hàng theo thời điểm hoặc khối lượng không nhiều, Công ty sẽ ký hợp đồng cụ thể theo từng đợt.

***Một số hợp đồng đã ký năm 2012 - 2014***

*Đơn vị tính: tỷ đồng*

| STT | Tên khách hàng                           | Thời điểm ký kết | Giá trị HĐ<br>(tỷ đồng) |
|-----|------------------------------------------|------------------|-------------------------|
| 1   | Công ty thuốc lá Thăng Long              | 2012 -2014       | 377                     |
| 2   | Công ty CP bóng đèn phích nước Rạng đông | 2012 -2014       | 116                     |
| 3   | Công ty CP Traphaco                      | 2012 -2014       | 33                      |
| 4   | Công ty CP Công nghệ cao Traphaco        | 2012 -2014       | 18                      |
| 5   | Công ty CP dược phẩm Hoa Linh            | 2012-2014        | 42                      |
| 6   | Công ty TNHH Dorco Vina                  | 2012 -2014       | 99                      |
| 7   | Công ty CP thực phẩm Hữu nghị            | 2012 -2014       | 22                      |
| 8   | Công ty CP bánh kẹo Hải Hà               | 2012 -2014       | 27                      |
| 9   | Công ty thuốc lá Bắc sơn                 | 2012 -2014       | 31                      |
| 10  | Công ty TNHH Orion Vina                  | 2012 -2014       | 48                      |

*(Nguồn: INN)*

Trong tất cả các hợp đồng trên được Công ty ký dài hạn cung cấp các sản phẩm, đều cung cấp các sản phẩm là bao bì, nhãn mác đã được in ấn.

**8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất**

**8.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 2 năm gần nhất**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty (Công ty mẹ)

*Đơn vị: Đồng*

| Chỉ tiêu                                         | Năm 2012        | Năm 2013        | % tăng giảm 2013 so với 2012 | Quý 1/2014      |
|--------------------------------------------------|-----------------|-----------------|------------------------------|-----------------|
| Tổng giá trị tài sản                             | 223.413.760.196 | 272.716.131.682 | 22,07%                       | 294.302.131.761 |
| Doanh thu thuần                                  | 427.124.365.723 | 567.597.409.812 | 32,89%                       | 144.506.958.614 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh | 36.618.932.622  | 49.948.833.587  | 36,40%                       | 11.074.386.669  |
| Lợi nhuận khác                                   | 217.543.302     | 143.174.550     | -34,19%                      | 489.035.000     |
| Lợi nhuận trước thuế                             | 36.836.475.924  | 50.092.008.137  | 35,98%                       | 11.563.421.669  |
| Lợi nhuận sau thuế                               | 30.390.092.636  | 37.569.006.104  | 23,62%                       | 8.672.566.252   |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức                       | 53,31%          | 43,12%          | -10,19%                      | -               |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu                         | 5.195           | 4.638           | -10,72%                      | 1.070           |
| Tỷ lệ cổ tức (% trên mệnh giá)                   | 20%             | 20%             | -                            | -               |

*(Nguồn: INN)*

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty (Hợp nhất)

*Đơn vị: Đồng*

| Chỉ tiêu                                         | Năm 2012        | Năm 2013        | % tăng giảm 2013 so với 2012 |
|--------------------------------------------------|-----------------|-----------------|------------------------------|
| Tổng giá trị tài sản                             | 225.415.967.658 | 274.489.433.929 | 21,77%                       |
| Doanh thu thuần                                  | 416.943.025.834 | 560.700.071.126 | 34,48%                       |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh | 38.282.387.871  | 56.456.557.155  | 47,47%                       |
| Lợi nhuận khác                                   | 227.170.002     | 63.623.133      | -71,99%                      |
| Lợi nhuận trước thuế                             | 38.844.369.468  | 56.520.180.288  | 45,50%                       |
| Lợi nhuận sau thuế                               | 32.356.503.296  | 42.427.490.069  | 31,13%                       |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức                       | 50,07%          | 38,18%          | -11,88%                      |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu                         | 5.992           | 5.238           | -12,58%                      |

*(Nguồn: INN)*

## **8.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo**

### **❖ Nhân tố thuận lợi**

- Nền kinh tế năm 2013 được nhận định chung là có sự phục hồi, các chính sách, chỉ tiêu kinh tế được đưa ra nhằm tạo điều kiện cho hoạt động chung của các doanh nghiệp trong nền kinh tế.
- Thế mạnh là một công ty hoạt động lâu năm trong lĩnh vực in ấn, Ban quản lý công ty có kinh nghiệm, CNCNV có tay nghề cao. Hệ thống máy móc, trang thiết bị và công nghệ tiên tiến, hiện đại.
- Công ty chủ động được nguồn vốn trong quá trình sản xuất kinh doanh.
- Đối tác, nhà cung cấp của Công ty ổn định do đó, Công ty ổn định được nguồn nguyên vật liệu, thị trường, ít chịu sự biến động của nền kinh tế.

### **❖ Nhân tố khó khăn**

- Đặc thù là doanh nghiệp sản xuất hàng phụ trợ, phụ thuộc vào sự phát triển của doanh nghiệp khác.
- Hàng hóa, thiết bị, vật tư chủ yếu là nhập khẩu nên sự biến động về giá cả, tỷ giá, lãi suất sẽ ảnh hưởng lớn đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Công ty phát triển nóng, sử dụng gần hết công suất thiết bị, thời gian làm việc của người lao động kéo dài, .... cần đầu tư thêm thiết bị, máy móc, nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh.
- Tình hình nợ xấu chưa được cải thiện, nên dòng tín dụng vẫn bị nghẽn mạch gây khó khăn chung cho các doanh nghiệp, lãi suất cho vay mặc dù đã hạ nhưng vẫn ở mức cao; dòng vốn không được hấp thụ một cách hiệu quả. Tình trạng “thừa tiền, thiếu vốn” vẫn tiếp tục tái diễn, đặc biệt là tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ.
- Sức cầu nội địa suy yếu trong khi cân đối ngân sách và bài toán nợ công còn nhiều thách thức gây khó khăn cho việc thực hiện mục tiêu tăng trưởng.
- Lạm phát tuy đã được kiểm soát nhưng vẫn rất nhạy cảm với những biến động của giá cả đầu vào thế giới và các chính sách nội tại.
- Chuẩn bị nguồn lực (con người, năng lực sản xuất, thiết bị, trình độ quản trị) cho việc tham gia vào TPP và Khối kinh tế ASEAN năm 2015.

## **9. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành**

### **9.1. Vị thế của công ty trong ngành**

Công ty Cổ phần Bao bì và In nông nghiệp trong nhiều năm qua luôn là một trong những công ty dẫn đầu về công nghệ hiện đại và sức cạnh tranh trên thị trường phía Bắc. Năm 2013, Công ty đã sử dụng nguồn vốn thu được sau đợt phát hành thêm để tiếp tục đầu tư một hệ thống máy in mới hiện đại nhằm nâng cao năng lực và hiệu quả sản xuất. Với trình độ công nghệ kỹ thuật như hiện nay, Công ty bao bì và in nông nghiệp có thể tự tin đáp ứng mọi nhu



cầu in ấn bao bì các loại với chất lượng tốt nhất với giá cả cạnh tranh.

Là một đơn vị có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực in ấn bao bì, Công ty Cổ phần Bao bì và In nông nghiệp là một đơn vị có thương hiệu mạnh của ngành in Việt Nam. So với các doanh nghiệp cùng ngành Công ty là một trong những công ty đứng đầu về cung cấp bao bì hộp các loại với chất lượng cao đáp ứng nhu cầu đặc trưng của từng loại ngành như: ngành dược, ngành Công nghiệp thực phẩm...

Hiện nay, Công ty đang cung cấp phần lớn bao bì thuốc lá nội địa cũng như xuất khẩu, hộp bóng đèn trong nước và xuất khẩu, hộp đựng thuốc tại thị trường miền Bắc. Công ty sử dụng công nghệ in UV offset để in trên giấy phủ màng nhôm và decal nhựa với chất lượng như in offset. Công ty là đơn vị duy nhất tại miền Bắc in màng nhôm trên công nghệ in Flexo. Do đó Công ty cung cấp đa phần sản phẩm màng nhôm ép vì cho các công ty Dược phẩm miền Bắc.

Công ty cũng tự hào có một đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật giỏi, công nhân tay nghề cao với hệ thống thiết bị máy móc đồng bộ, tiên tiến, hiện đại, đảm bảo sản xuất từ khâu đầu đến khâu cuối.

Thêm vào đó, Công ty cho thuê văn phòng tại 72 Trường Chinh, chính thức thu được lợi nhuận từ năm 2008. Hiện nay, Công ty vẫn giữ lại một văn phòng giao dịch ở toà nhà cho thuê tại 72 Trường Chinh, Hà Nội, thuận tiện cho khách hàng giao dịch.

Với những ưu điểm và thế mạnh nêu trên, Công ty ngày càng khẳng định được vị thế vững chắc, và tiềm lực phát triển so với các doanh nghiệp trong ngành.

## **9.2. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty**

Thực hiện định hướng phát triển Công ty giai đoạn 2013-2018 tập trung vào: phát triển bao bì giấy; phát triển bao bì màng phức hợp; phát triển công nghệ Tem chống giả; phát triển thương mại - dịch vụ.

### *a. Các mục tiêu của Công ty:*

- Sử dụng và phát triển hợp lý các nguồn lực, bao gồm phát triển nguồn nhân lực, sử dụng có hiệu quả, hợp lý nguồn vốn, tăng cường năng lực thiết bị.
- Hoàn thiện và đổi mới công tác quản trị doanh nghiệp, chịu trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu các đơn vị.
- Xây dựng, phát triển thương hiệu, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường của Công ty.
- Chuẩn bị tốt cho việc hòa nhập vào thị trường giai đoạn 2014-2015.
- Đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh doanh, đảm bảo lợi ích của cổ đông, nâng cao thu nhập cho người lao động, tiếp tục duy trì và đi vào chiều sâu mục tiêu của Công ty đó là: “Phát huy sự sáng tạo trong công việc; kiện toàn và phát triển nguồn nhân lực”.

### *b. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật năm 2014:*

- Tổng doanh thu đạt: 600 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế đạt: 50 đến 51 tỷ đồng.

- Trả cổ tức: thấp nhất là 16 %/ năm.
- Nhà máy tại Hưng Yên: Tập trung vào việc hoàn thiện tổ chức đào tạo phát triển nguồn nhân lực, tổ chức quản lý, điều hành sản xuất; Đầu tư xây dựng nhà máy và bổ sung các trang thiết bị mới.
- Tại Công ty Công nghệ Chống giả DAC: Tập trung phát triển nhân lực, công nghệ để mở rộng thị trường, phát triển công nghệ chống giả mới.
- Tại Hà Nội: Công ty tập trung kiện toàn bộ máy quản lý, điều hành sản xuất, nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, phát triển nguồn nhân lực theo chiều sâu.

### **9.3. Đánh giá về định hướng, kế hoạch phát triển của Công ty**

Hiện tại lĩnh vực kinh doanh chính và chủ yếu của Công ty là hoạt động in ấn, cung cấp các sản phẩm in. Tuy lĩnh vực hoạt động trên có sự tham gia của nhiều công ty, đơn vị, tuy nhiên, với vị thế là một công ty có kinh nghiệm hoạt động, thị trường, hệ thống trang thiết bị công nghệ hiện đại, có nguồn lực về con người, về vốn, Công ty luôn khẳng định vị trí và khả năng cạnh tranh trên thị trường. Các chính sách và kế hoạch hoạt động của công ty được ĐHĐCĐ thông qua luôn được thực hiện với hiệu quả cao.

## **10. Chính sách đối với người lao động**

- ❖ Số lượng người lao động trong công ty;

Tổng số lao động đến thời điểm tháng 3/2014 của Công ty là 311 người, cơ cấu lao động được thể hiện như sau:

**CƠ CẤU LAO ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

| STT | Phân loại lao động            | Số người | Tỷ trọng (%) |
|-----|-------------------------------|----------|--------------|
| I   | Phân theo thời hạn hợp đồng : | 311      | 100          |
| 1   | Hợp đồng lao động dài hạn     | 127      | 40,84        |
| 2   | Hợp đồng lao động ngắn hạn    | 184      | 59,16        |
| II  | Phân theo trình độ :          | 311      | 100          |
| 1   | Đại học. cao đẳng trở lên     | 90       | 28,94        |
| 2   | Trung học chuyên nghiệp       | 65       | 20,90        |
| 3   | CNKT và trình độ khác         | 156      | 50,16        |

(Nguồn: INN)

- ❖ Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

Dựa theo nhu cầu sản xuất kinh doanh, Công ty sẽ tuyển chọn lao động phù hợp hoặc tuyển người vào học nghề. Quy trình tuyển chọn lao động theo các cấp như sau:

- Thử việc đối với tất cả các nhân viên mới vào làm việc.
- Sau giai đoạn thử việc, nếu hoàn thành tốt công việc được giao người lao động sẽ được

ký hợp đồng lao động có thời hạn từ 1-3 năm.

- Sau giai đoạn này, nếu người lao động hoàn thành tốt công việc và Công ty có nhu cầu sử dụng lao động lâu dài sẽ tiến hành ký hợp đồng không xác định thời hạn.

❖ Về chính sách chế độ xã hội đối với người lao động

Công ty thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ chi trả bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các đảm bảo xã hội khác theo quy định của Nhà nước đối với các trường hợp người lao động ký hợp đồng lao động từ 1 năm trở lên.

❖ Về thu nhập, tiền lương

Chính sách của Công ty đối với thu nhập, tiền lương hàng tháng được thực hiện theo cơ chế thỏa thuận trong hợp đồng lao động và được trả theo năng suất lao động, chất lượng và hiệu quả công việc đảm bảo mức lương không thấp hơn mức lương tối thiểu do Nhà nước ban hành. Hiện nay Công ty đang áp dụng hệ thống lương dựa theo định mức lao động. Định mức lao động được xây dựng dựa trên các tài liệu thống kê về thời gian hao phí thực tế để hoàn thành bước công việc, kinh nghiệm tích lũy của người làm định mức lao động và tham khảo ý kiến tham gia của các chuyên gia. Hàng năm Công ty tổ chức đánh giá tình hình thực hiện để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tổ chức sản xuất, tổ chức lao động. Tiền lương bình quân của CBCNV Công ty đạt ở mức 8.500.000 đồng/người/tháng.

❖ Về chính sách khen thưởng, để khuyến khích người lao động, Công ty có những chính sách khen thưởng:

- Khen thưởng hàng tháng trong trường hợp hoàn thành vượt mức kế hoạch và nhiệm vụ hàng tháng
- Khen thưởng hàng năm
- Khen thưởng cho các sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất...

## **11. Chính sách cổ tức**

Căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, chính sách phân phối cổ tức sẽ do HĐQT đề nghị và ĐHĐCĐ quyết định. Cụ thể, Công ty chỉ được trả cổ tức cho các cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế cũng như các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

Với kế hoạch sản xuất kinh doanh tăng trưởng ổn định và hiệu quả hơn qua từng năm, cổ tức Công ty cũng có Công ty đưa ra chính sách cổ tức tăng dần theo từng năm và luôn duy trì được ở mức cao trong những năm vừa qua:

| Chỉ tiêu                      | Năm 2011 | Năm 2012 | Năm 2013 | Dự kiến năm 2014 |
|-------------------------------|----------|----------|----------|------------------|
| Tỷ lệ cổ tức chi trả hàng năm | 20%      | 20%      | 20%      | Thấp nhất là 16% |

(Nguồn: INN)

## **12. Tình hình tài chính**

### **12.1. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản**

#### **12.1.1. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh.**

Báo cáo tình hình sử dụng vốn kinh doanh của Công ty .

*Đơn vị tính: đồng*

| <b>Khoản mục</b>          | <b>Vốn vay</b>        | <b>Vốn chủ sở hữu</b>  |
|---------------------------|-----------------------|------------------------|
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | -                     | -                      |
| Đầu tư TSCĐ hữu hình      | -                     | 71.479.409.147         |
| Đầu tư TSCĐ vô hình       | -                     | -                      |
| Vốn lưu động              | 36.698.042.121        | 62.713.744.752         |
| Đầu tư tài chính dài hạn  | -                     | 32.400.000.000         |
| Đầu tư khác               | -                     | -                      |
| <b>Tổng giá trị</b>       | <b>36.698.042.121</b> | <b>166.593.153.899</b> |

*(Nguồn: INN)*

#### **12.1.2. Trích khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau :

|                        |           |
|------------------------|-----------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 03-16 năm |
| Máy móc thiết bị       | 03-10 năm |
| Phương tiện vận tải    | 06-10 năm |
| Thiết bị văn phòng     | 03-04 năm |

#### **12.1.3. Mức lương bình quân**

| <b>Chỉ tiêu</b>                       | <b>Năm 2011</b> | <b>Năm 2012</b> | <b>Năm 2013</b> |
|---------------------------------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| Thu nhập bình quân/người/tháng (đồng) | 7.000.000       | 8.200.000       | 8.500.000       |

*(Nguồn: INN)*

Mức lương bình quân của CBCNV Công ty Cổ phần Bao bì và In nông nghiệp khá cao so với mức lương bình quân của các doanh nghiệp khác cùng ngành trong cùng địa bàn cả tại Hà Nội và tại Hưng Yên do hoạt động kinh doanh của Công ty có hiệu quả. Đây có thể coi là một lợi thế của Công ty trong việc thu hút được nguồn nhân lực có kinh nghiệm, trình độ, kỹ năng và tay nghề cao.

#### **12.1.4. Thanh toán các khoản nợ đến hạn:**

Công ty thực hiện tốt các khoản nợ đến hạn. Căn cứ vào các báo cáo tài chính có kiểm toán

năm 2012, 2013 Công ty đã thực hiện thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ, không có khoản nợ nào quá hạn.

**12.1.5. Các khoản phải nộp theo luật định:**

Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế (VAT, TNDN,...) các khoản phí, lệ phí theo quy định của Nhà nước.

**Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Công ty mẹ)**

*Đơn vị: Đồng*

| Chỉ tiêu                      | 31/12/ 2012          | 31/12/ 2013          | 31/03/2014           |
|-------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| Thuế giá trị gia tăng         | 1.553.052.684        | 819.304.368          | 1.316.564.359        |
| Thuế xuất, nhập khẩu          | 1.060.814.707        | 196.709.005          | 392.511.289          |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp    | 3.249.218.446        | 6.732.450.674        | 815.876.560          |
| Thuế thu nhập cá nhân         | -                    | 96.105.323           | 170.812.251          |
| Thuế nhà đất và tiền thuê đất | 1.303.641.500        | 815.876.560          | 2.485.855.417        |
| <b>Tổng cộng</b>              | <b>7.166.727.337</b> | <b>8.860.445.930</b> | <b>5.181.619.876</b> |

*(Nguồn: INN)*

**Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Hợp nhất)**

*Đơn vị: Đồng*

| Chỉ tiêu                      | 31/12/ 2012          | 31/12/ 2013           |
|-------------------------------|----------------------|-----------------------|
| Thuế giá trị gia tăng         | 1.553.052.684        | 929.464.889           |
| Thuế xuất, nhập khẩu          | 1.060.814.707        | 196.709.005           |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp    | 3.290.701.330        | 7.965.535.056         |
| Thuế thu nhập cá nhân         | 0                    | 296.105.323           |
| Thuế nhà đất và tiền thuê đất | 1.303.641.500        | 815.876.560           |
| <b>Tổng cộng</b>              | <b>7.208.210.221</b> | <b>10.203.690.833</b> |

*(Nguồn: INN)*

**12.1.6. Trích lập các quỹ theo luật định**

Hàng năm, căn cứ theo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, HĐQT Công ty trình ĐHĐCĐ thông qua việc trích lập các quỹ theo đúng Điều lệ, phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

Tình hình trích lập các quỹ (Công ty mẹ)

*Đơn vị: Đồng*

| Chỉ tiêu                  | 31/12/2012            | 31/12/2013            | 31/03/2014            |
|---------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Quỹ đầu tư phát triển     | 20.040.401.393        | 29.848.207.541        | 46.012.980.687        |
| Quỹ dự phòng tài chính    | 3.298.999.550         | 4.742.877.670         | 6.540.920.622         |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 4.737.289.285         | 6.024.167.405         | 7.509.936.357         |
| <b>Tổng cộng</b>          | <b>28.076.690.228</b> | <b>40.615.252.616</b> | <b>60.063.837.666</b> |

*(Nguồn: INN)*

Tình hình trích lập các quỹ (Hợp nhất)

*Đơn vị: Đồng*

| Chỉ tiêu                  | 31/12/2012            | 31/12/2013            |
|---------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Quỹ đầu tư phát triển     | 20.040.401.393        | 29.991.021.331        |
| Quỹ dự phòng tài chính    | 3.298.999.550         | 4.845.458.520         |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 4.737.289.285         | 6.111.981.228         |
| <b>Tổng cộng</b>          | <b>28.076.690.228</b> | <b>40.948.461.079</b> |

*(Nguồn: INN)*

12.1.7. Tổng dư nợ vay

Tổng dư nợ vay của Công ty (Công ty mẹ)

*Đơn vị: Đồng*

| Chỉ tiêu              | 31/12/2012            | 31/12/2013            | 31/3/2014             |
|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Vay và nợ ngắn hạn    | 13.454.683.340        | 36.698.042.121        | 36.613.294.254        |
| Vay và nợ dài hạn     | 2.649.611.000         | -                     | 12.849.067.577        |
| <b>Tổng dư nợ vay</b> | <b>16.104.294.340</b> | <b>36.698.042.121</b> | <b>49.462.361.831</b> |

*(Nguồn: INN)*

**Chi tiết các khoản vay (Công ty mẹ)**

*Đơn vị: Đồng*

| Chi tiêu                             | 31/12/2012            | 31/12/2013            | 31/03/2014            |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>1.1. Vay ngắn hạn</b>             | <b>13.454.683.340</b> | <b>36.698.042.121</b> | <b>36.613.294.254</b> |
| - Ngân hàng Agribank - CN Ba Đình    | 12.639.419.340        | 22.902.042.121        | 21.860.144.254        |
| - Công ty CP Công nghệ chống giả DAC | -                     | 4.000.000.000         |                       |
| - Vay các đối tượng khác (CBCNV)     | -                     | 9.796.000.000         | 14.753.150.000        |
| - Vay dài hạn đến hạn trả            | 815.264.000           | -                     |                       |
| <b>1.2. Vay dài hạn</b>              | <b>2.649.611.000</b>  | <b>0</b>              | <b>12.849.067.577</b> |
| - Ngân hàng Agribank - CN Ba Đình    | 2.649.611.000         |                       | 12.849.067.577        |

*(Nguồn: INN)*

**Tổng dư nợ vay của Công ty (Hợp nhất)**

*Đơn vị: Đồng*

| Chi tiêu              | 31/12/2012            | 31/12/2013            |
|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Vay và nợ ngắn hạn    | 13.454.683.340        | 32.698.042.121        |
| Vay và nợ dài hạn     | 2.649.611.000         |                       |
| <b>Tổng dư nợ vay</b> | <b>16.104.294.340</b> | <b>32.698.042.121</b> |

*(Nguồn: INN)*

**Chi tiết các khoản vay (Hợp nhất)**

*Đơn vị: Đồng*

| Chi tiêu                          | 31/12/2012            | 31/12/2013            |
|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>1.1. Vay ngắn hạn</b>          | <b>13.454.683.340</b> | <b>32.698.042.121</b> |
| - Ngân hàng Agribank - CN Ba Đình | 12.639.419.340        | 22.902.042.121        |
| - Vay các đối tượng khác (CBCNV)  | -                     | 9.796.000.000         |
| - Vay dài hạn đến hạn trả         | 815.264.000           | -                     |
| <b>1.2. Vay dài hạn</b>           | <b>2.649.611.000</b>  | <b>0</b>              |
| - Ngân hàng Agribank - CN Ba Đình | 2.649.611.000         |                       |

*(Nguồn: INN)*



Tính đến thời điểm 31/12/2013, Công ty Cổ phần Bao bì và In nông nghiệp không có các khoản nợ vay quá hạn.

12.1.8. Tình hình công nợ

Các khoản phải thu của Công ty (Công ty mẹ)

Đơn vị: Đồng

| Chỉ tiêu                           | 31/12/2012            | 31/12/2013            | 31/03/2014             |
|------------------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|
| <i>Phải thu ngắn hạn</i>           | <i>49.017.052.290</i> | <i>76.033.022.228</i> | <i>107.833.961.616</i> |
| Phải thu khách hàng                | 48.244.083.128        | 68.448.336.830        | 88.852.788.996         |
| Trả trước cho người bán            | 984.537.609           | 7.198.592.658         | 18.979.428.097         |
| Các khoản phải thu khác            | 106.647.683           | 704.308.870           | 319.960.653            |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | (318.216.130)         | (318.216.130)         | (318.216.130)          |
| <i>Phải thu dài hạn</i>            | <i>0</i>              | <i>0</i>              | <i>0</i>               |
| <b>Tổng các khoản phải thu</b>     | <b>49.017.052.290</b> | <b>76.033.022.228</b> | <b>107.833.961.616</b> |

(Nguồn: INN)

Các khoản phải thu của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị: Đồng

| Chỉ tiêu                           | 31/12/2012            | 31/12/2013            |
|------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <i>Phải thu ngắn hạn</i>           | <i>50.102.970.942</i> | <i>76.865.146.242</i> |
| Phải thu khách hàng                | 48.941.924.014        | 69.047.745.004        |
| Trả trước cho người bán            | 1.363.785.277         | 7.415.321.138         |
| Các khoản phải thu khác            | 115.477.781           | 720.296.230           |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | (318.216.130)         | (318.216.130)         |
| <i>Phải thu dài hạn</i>            | <i>0</i>              | <i>0</i>              |
| <b>Tổng các khoản phải thu</b>     | <b>50.102.970.942</b> | <b>76.865.146.242</b> |

(Nguồn: INN)

**Các khoản phải trả của Công ty (Công ty mẹ)**

*Đơn vị: Đồng*

| <b>Chỉ tiêu</b>                     | <b>31/12/2012</b>            | <b>31/12/2013</b>             | <b>31/03/2014</b>             |
|-------------------------------------|------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| <b><i>Nợ ngắn hạn</i></b>           | <b><i>72.505.976.227</i></b> | <b><i>106.122.977.783</i></b> | <b><i>123.805.120.018</i></b> |
| Vay và nợ ngắn hạn                  | 13.454.683.340               | 36.698.042.121                | 36.613.294.254                |
| Phải trả người bán                  | 23.777.579.668               | 29.323.078.559                | 38.575.261.573                |
| Người mua trả tiền trước            | 5.362.093.782                | 3.929.994.225                 | 74.705.664                    |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 7.166.727.337                | 8.860.445.930                 | 5.181.419.876                 |
| Phải trả người lao động             | 13.620.257.350               | 16.961.664.920                | 10.789.381.866                |
| Chi phí phải trả                    | 341.439.115                  | 387.798.549                   | 89.090.909                    |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác   | 4.045.906.350                | 3.937.786.074                 | 24.972.029.519                |
| Quỹ khen thưởng phúc lợi            | 4.737.289.285                | 6.024.167.405                 | 7.509.936.357                 |
| <b><i>Nợ dài hạn</i></b>            | <b><i>2.649.611.000</i></b>  | <b><i>0</i></b>               | <b><i>12.849.067.577</i></b>  |
| Vay và nợ dài hạn                   | 2.649.611.000                | 0                             | 12.849.067.577                |
| <b>Tổng nợ phải trả</b>             | <b>75.155.587.227</b>        | <b>106.122.977.783</b>        | <b>136.654.187.595</b>        |

*(Nguồn: INN)*

**Các khoản phải trả của Công ty (Hợp nhất)**

*Đơn vị: Đồng*

| <b>Chỉ tiêu</b>                     | <b>31/12/2012</b>            | <b>31/12/2013</b>             |
|-------------------------------------|------------------------------|-------------------------------|
| <b><i>Nợ ngắn hạn</i></b>           | <b><i>74.279.833.904</i></b> | <b><i>102.864.506.577</i></b> |
| Vay và nợ ngắn hạn                  | 13.454.683.340               | 32.698.042.121                |
| Phải trả người bán                  | 23.880.941.136               | 27.077.241.455                |
| Người mua trả tiền trước            | 5.498.122.782                | 3.998.914.225                 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 7.208.210.221                | 10.203.690.833                |
| Phải trả người lao động             | 14.224.509.847               | 18.226.099.514                |
| Chi phí phải trả                    | 341.439.115                  | 356.798.549                   |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác   | 4.934.638.178                | 4.191.738.652                 |
| Quỹ khen thưởng phúc lợi            | 4.737.289.285                | 6.111.981.228                 |
| <b><i>Nợ dài hạn</i></b>            | <b><i>2.649.611.000</i></b>  | <b><i>0</i></b>               |
| Vay và nợ dài hạn                   | 2.649.611.000                | 0                             |
| <b>Tổng nợ phải trả</b>             | <b>76.929.444.904</b>        | <b>102.864.506.577</b>        |

*(Nguồn: INN)*

**12.1.9. Giá trị các khoản nợ quá hạn:**

Tính đến thời điểm 31/12/2013, Công ty Cổ phần Bao bì và In nông nghiệp đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi là 318.216.130 đồng (cho cả Công ty mẹ và Công ty hợp nhất). Đây là khoản trích lập dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn trong năm 2012.

**12.2. Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

**Chỉ tiêu tài chính của Công ty mẹ**

| <b>Các chỉ tiêu</b>                                                   | <b>Năm 2012</b> | <b>Năm 2013</b> | <b>Quý 1/2014</b> |
|-----------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|-------------------|
| <i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:</i>                               |                 |                 |                   |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn                           | 1,22            | 1,51            | 1,37              |
| Hệ số thanh toán nhanh:<br>TSLĐ - Hàng tồn kho<br>Nợ ngắn hạn         | 0,84            | 1,04            | 1,00              |
| <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:</i>                                        |                 |                 |                   |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản                                                 | 0,34            | 0,39            | 0,46              |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu                                               | 0,51            | 0,64            | 0,87              |
| <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:</i>                                |                 |                 |                   |
| Vòng quay hàng tồn kho:<br>Giá vốn hàng bán<br>Hàng tồn kho bình quân | 2,97            | 3,15            | 2,75              |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản                                          | 1,91            | 2,08            | 0,49              |
| <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:</i>                                 |                 |                 |                   |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần                              | 0,07            | 0,07            | 0,06              |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu                               | 0,20            | 0,23            | 0,05              |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản                                 | 0,14            | 0,14            | 0,03              |
| Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần               | 0,09            | 0,09            | 0,07              |
| Thu nhập trên cổ phần (EPS)                                           | 5.195           | 4.638           | 1.070             |

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2012, 2013; BCTC quý 1/2014 \_ INN)

**Chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty Hợp nhất**

| <b>Các chỉ tiêu</b>                                     | <b>Năm 2012</b> | <b>Năm 2013</b> |
|---------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|
| <i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:</i>                 |                 |                 |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn             | 1,36            | 1,72            |
| Hệ số thanh toán nhanh:                                 |                 |                 |
| <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u>                              | 0,84            | 1,12            |
| Nợ ngắn hạn                                             |                 |                 |
| <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:</i>                          |                 |                 |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản                                   | 0,34            | 0,39            |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu                                 | 0,51            | 0,64            |
| <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:</i>                  |                 |                 |
| Vòng quay hàng tồn kho:                                 |                 |                 |
| <u>Giá vốn hàng bán</u>                                 | 2,97            | 3,15            |
| Hàng tồn kho bình quân                                  |                 |                 |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản                            | 1,91            | 2,08            |
| <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:</i>                   |                 |                 |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần                | 0,07            | 0,07            |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu                 | 0,20            | 0,23            |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản                   | 0,14            | 0,14            |
| Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | 0,09            | 0,09            |
| Thu nhập trên cổ phần (EPS)                             | 5.195           | 4.638           |

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất 2012, 2013 \_ INN)

**13. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng**

**13.1. Thành viên Hội đồng quản trị**

|                              |                                            |
|------------------------------|--------------------------------------------|
| <b>Ông Nguyễn Thành Nam</b>  | : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc         |
| <b>Ông Vũ Hồng Tuyền</b>     | : Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc |
| <b>Bà Lê Diễm Thanh</b>      | : Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc      |
| <b>Ông Đặng Trường Giang</b> | : Ủy viên HĐQT                             |
| <b>Ông Lê Duy Toàn</b>       | : Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc          |

---

❖ **Ông Nguyễn Thành Nam - Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc**

1. Họ và tên: **Nguyễn Thành Nam**
2. Giới tính: Nam
3. Ngày, tháng, năm sinh: 10/02/1958
4. Nơi sinh: Thụy Dân, Thái Thụy, Thái Bình
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Số CMTND/Hộ chiếu: 011563152
7. Dân tộc: Kinh
8. Quê quán: Thụy Dân, Thái Thụy, Thái Bình
9. Địa chỉ thường trú: P604, D3, Tập thể Bộ Nông nghiệp, Đống Đa, Hà Nội
10. Số điện thoại liên lạc tại cơ quan: 04-36840091
11. Trình độ văn hoá: 10/10
12. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Kỹ sư in bản đồ
13. Quá trình công tác :

|       |                                                                                                                                            |
|-------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1985: | Tốt nghiệp đại học, về nhận công tác tại Xí nghiệp In Nông nghiệp & Công nghiệp Thực phẩm, nay là Công ty cổ phần bao bì & In Nông nghiệp. |
| 1986: | Công nhân tại xưởng sản xuất, làm việc qua các bộ phận chế bản in, chế phim, đứng máy trực tiếp.                                           |
| 1987: | Nhân viên phòng Kế hoạch vật tư (nay là phòng Kinh doanh)                                                                                  |
| 1988: | Nhân viên phòng Kỹ thuật công nghệ                                                                                                         |
| 1989: | Làm việc tại phân xưởng in Offset, đứng máy trực tiếp                                                                                      |
| 1990: | Phó quản đốc phân xưởng in Offset                                                                                                          |

|                   |                                                                            |
|-------------------|----------------------------------------------------------------------------|
| 1994:             | Quản đốc phân xưởng in Offset                                              |
| 1995 - 1998       | Học hệ chính quy văn bằng 2, chuyên ngành Quản trị Kinh doanh Công nghiệp. |
| 2002:             | Giám đốc Công ty Bao bì và In Nông nghiệp                                  |
| 07/2004 - 12/2011 | Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty cổ phần Bao bì & In Nông nghiệp.       |
| 1/2012 đến nay    | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Bao bì & In Nông nghiệp   |

14. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc.
15. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
16. Số cổ phần nắm giữ:
  - Sở hữu cá nhân: 1.047.000 cổ phần.
  - Đại diện sở hữu phần vốn : 1.518.750 cổ phần.
17. Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: Không
18. Hành vi vi phạm pháp luật (*nếu có*): Không
19. Các khoản nợ đối với Công ty (*nếu có*): Không
20. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

**❖ Ông Vũ Hồng Tuyên – Phó chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc**

1. Họ và tên: **Vũ Hồng Tuyên**
2. Giới tính: Nam
3. Ngày, tháng, năm sinh: 03/09/1959
4. Nơi sinh: Hải Châu, Hải Hậu, Nam Định
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Số CMTND/Hộ chiếu: 01156153
7. Dân tộc: Kinh
8. Quê quán: Hải Châu, Hải Hậu, Nam Định
9. Địa chỉ thường trú: P2, Tập thể Xí nghiệp In Nông nghiệp, Phương Mai, Hà Nội
10. Số điện thoại liên lạc tại cơ quan: 04-36840092
11. Trình độ văn hoá: 10/10
12. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư in bản đồ; Tốt nghiệp các khoá đào tạo sau: Quản lý và sử dụng máy in offset (Cộng hoà Liên bang Đức – 1988); Quản lý và sử dụng máy in Flexo (Malaysia – 2003); Lớp cán bộ quản lý cao cấp của Phòng Thương mại Công nghiệp

Việt Nam 2006.

13. Quá trình công tác :

|                   |                                                                                                                                    |
|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1985:             | Tốt nghiệp đại học, về nhận công tác tại XN In Nông nghiệp & Công nghiệp Thực phẩm, nay là Công ty cổ phần Bao bì & In Nông nghiệp |
| 1986:             | Cán bộ kỹ thuật phân xưởng in Offset                                                                                               |
| 1987:             | Tham gia lớp quản lý & sử dụng máy in Offset tại CHLB Đức                                                                          |
| 1990:             | Phó quản đốc phân xưởng in Offset                                                                                                  |
| 1996              | Trưởng phòng Kỹ thuật Công nghệ nay là Phòng Kỹ thuật Sản xuất                                                                     |
| 2003              | Tham gia lớp quản lý & sử dụng máy in Flexo tại Malaysia                                                                           |
| 2006:             | Tốt nghiệp lớp đào tạo cán bộ lãnh đạo Phòng Thương mại Công Nghiệp Việt Nam                                                       |
| 07/2004 - 12/2011 | Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó giám đốc Công ty cổ phần Bao bì & In Nông nghiệp                                                        |
| 01/2012 đến nay   | Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Bao bì & In Nông nghiệp                                                   |

14. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc.
15. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc CTY TNHH Bao Bì APP - Hưng Yên.
16. Số cổ phần nắm giữ:
- Sở hữu cá nhân: 162.598 cổ phần.
  - Đại diện sở hữu phần vốn: 0 cổ phần
17. Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: Không
18. Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
19. Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không
20. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

❖ **Bà Lê Diễm Thanh - Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc**

1. Họ và tên: **Lê Diễm Thanh**
2. Giới tính: Nữ
3. Ngày, tháng, năm sinh: 10/11/1963
4. Nơi sinh: Hà Nội
5. Quốc tịch: Việt Nam



6. Số CMTND/Hộ chiếu: 010812439
7. Dân tộc: Kinh
8. Quê quán: Bát Tràng, Hà Nội
9. Địa chỉ thường trú: P304, I3, Khu Tập thể Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội
10. Số điện thoại liên lạc tại cơ quan: 04-6840093
11. Trình độ văn hoá: 10/10
12. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
13. Quá trình công tác:

|                    |                                                                                                                                                                                 |
|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 04/1987            | Tốt nghiệp kỹ sư công nghệ in tại CHDC Đức                                                                                                                                      |
| 11/1987            | Công tác tại XN In Nông nghiệp và CNTP nay là công ty cổ phần bao bì & In Nông nghiệp làm việc ở các vị trí sau: Đứng máy in, làm công nhân chế bản in tại phân xưởng in Offset |
| 12/1989:           | Phụ trách công tác kỹ thuật Phân xưởng in Offset                                                                                                                                |
| 01/1990 - 09/1996: | Nhân viên sau là tổ trưởng KCS của Công ty, đã tốt nghiệp các lớp đào tạo tin học cơ bản và nâng cao, tiếng Anh                                                                 |
| 10/1996 - 11/2002: | Phó phòng kỹ thuật công ty, tham gia học lớp Quản trị kinh doanh 6 tháng do trường đại học KTQD tổ chức                                                                         |
| 12/2002 - 06/2004  | Trưởng phòng Kế hoạch vật tư.                                                                                                                                                   |
| 07/2004 - 11/2010  | Trưởng phòng Kinh doanh, Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần bao bì & In Nông nghiệp                                                                                                   |
| 12/2010 - 12/2011  | Ủy viên HĐQT - Phó Giám đốc Công ty cổ phần bao bì & In Nông nghiệp                                                                                                             |
| Từ 1/2012 đến nay  | Ủy viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần bao bì & In Nông nghiệp                                                                                                        |

14. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Ủy viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Bao bì & In Nông nghiệp
15. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không.
16. Số cổ phần nắm giữ :
  - Sở hữu cá nhân: 125.730 cổ phần
  - Đại diện sở hữu phần vốn : 0 cổ phần
17. Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ:

| Họ tên         | Quan hệ | Số CP sở hữu |
|----------------|---------|--------------|
| Trần Tiến Dũng | Chồng   | 15.000       |

18. Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
19. Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không
20. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

❖ **Ông Đặng Trường Giang – Ủy viên HĐQT**

1. Họ và tên: **Đặng Trường Giang**
2. Giới tính: Nam
3. Ngày, tháng, năm sinh: 05/07/1970
4. Nơi sinh: Hà Nội
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Số CMTND/Hộ chiếu: 011639393
7. Dân tộc: Kinh
8. Quê quán: Xã Yên Nam, Huyện Duy Tiên, Hà Nam
9. Địa chỉ thường trú: P106, Nhà C9, Quỳnh Mai, Hà Nội
10. Số điện thoại liên lạc tại cơ quan: 04-6840106
11. Trình độ văn hoá: 12/12
12. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thiết bị điện
13. Quá trình công tác :

|                   |                                                                                                  |
|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 06/1990 - 03/1999 | Công tác tại Viện Trang thiết bị và Công trình Y tế – Bộ Y tế                                    |
| 04/1999 - 05/2002 | Nhân viên Phòng Tin học – Công ty cổ phần Tin học Công nghệ Môi trường Than khoáng sản Việt Nam. |
| 06/2002 - 03/2006 | Phó Phòng Tin học – Công ty cổ phần Tin học Công nghệ Môi trường Than khoáng sản Việt Nam        |
| 04/2006 – nay     | Trưởng phòng Tự động hoá – Công ty cổ phần Tin học Công nghệ Môi trường Than khoáng sản Việt Nam |
| 07/2004 – nay     | Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Bao bì & In Nông nghiệp                                             |

14. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Bao bì & In Nông nghiệp.
15. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không.
16. Số cổ phần nắm giữ :
  - Sở hữu cá nhân: 276.000 cổ phần.

- Đại diện sở hữu phần vốn : 0 cổ phần.

17. Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ:

| Họ tên           | Quan hệ  | Số CP sở hữu |
|------------------|----------|--------------|
| Đặng Xuân Phương | Anh trai | 39.500       |

18. Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
19. Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không
20. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

❖ **Ông Lê Duy Toàn** - Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc

1. Họ và tên: **Lê Duy Toàn**
2. Số CMND: 012351255.
3. Giới tính: Nam
4. Ngày tháng năm sinh: 31/07/1973
5. Nơi sinh: Hà Nội
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Dân tộc: Kinh
8. Quê quán: Mỹ Hào, Hưng Yên
9. Địa chỉ thường trú: 405-E3- Tập thể Bách Khoa - Hà Nội.
10. Số điện thoại liên lạc: 043.684.0311
11. Trình độ văn hoá: 12/12
12. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ in.
13. Quá trình công tác:
  - Từ tháng 6/1998 đến nay : Công tác tại CTY CP Bao Bì và In Nông nghiệp.
  - **Các chức vụ đã qua:** Phó quản đốc phân xưởng in; Quản đốc phân xưởng in; Xưởng trưởng xưởng sản xuất; Trưởng phòng Thị trường.
14. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Ủy viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc.
15. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc Công ty Công nghệ chống giả DAC.
16. Số cổ phần nắm giữ :
  - Sở hữu cá nhân: 86.698 cổ phần.
  - Đại diện sở hữu phần vốn : 0 cổ phần.
17. Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: Không.
18. Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

19. Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không
20. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

**13.2. Thành viên Ban kiểm soát**

Bà **Phạm Thị Phúc** : Trưởng Ban Kiểm soát

Ông **Đặng Minh Quốc** : Thành viên Ban Kiểm soát

Ông **Nguyễn Quang Lộc** : Thành viên Ban Kiểm soát

---

❖ **Bà Phạm Thị Phúc – Trưởng ban kiểm soát**

- Họ và tên: **Phạm Thị Phúc**
- Giới tính: Nữ
- Ngày, tháng, năm sinh: 16/04/1962
- Nơi sinh: Hà Tây (cũ)
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMTND/Hộ chiếu: 011024928
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quang Lãng, Phú Xuyên, Hà Tây (cũ).
- Địa chỉ thường trú: Số 15, Tổ 12, Phường Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc tại cơ quan: 04-6840093.
- Trình độ văn hoá: 10/10.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế.
- Quá trình công tác:

|                      |                                                                                                                          |
|----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 12/1985 -<br>12/1999 | Nhân viên kế toán phòng Tài chính kế toán công ty Vật tư thuốc Thú y TW 1                                                |
| 01/2000 -<br>05/2007 | Nhân viên kế toán phòng Tài chính kế toán, Công ty Cổ phần Thuốc Thú y TW 1                                              |
| 06/2007 -<br>nay     | Phó phòng Tài chính kế toán Công ty Cổ phần Thuốc thú y TW 1 kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thuốc Thú y TW 1 Hà nội |
| 07/2004 -<br>04/2008 | Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần bao bì & In Nông nghiệp                                                         |
| 04/2008-<br>nay      | Trưởng Ban kiểm soát                                                                                                     |

14. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bao bì & In Nông nghiệp
15. Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không
16. Số cổ phần nắm giữ :
- Sở hữu cá nhân: 57.550 cổ phần
  - Đại diện sở hữu phần vốn : 0 cổ phần
17. Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ:
- | Họ tên         | Quan hệ | Số CP sở hữu |
|----------------|---------|--------------|
| Phạm Thị Quyên | Em gái  | 30.000       |
18. Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
19. Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không
20. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

❖ **Ông Đặng Minh Quốc – Thành viên Ban kiểm soát**

1. Họ và tên: Đặng Minh Quốc
2. Giới tính: Nam
3. Ngày, tháng, năm sinh: 08/11/1957
4. Nơi sinh: Hà Nội
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Số CMTND/Hộ chiếu: 011107950
7. Dân tộc: Kinh
8. Quê quán: Xã Mỹ thành, Huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định
9. Địa chỉ thường trú: A5 phòng 108, tập thể Nam đồng, quận Đống Đa, Hà nội
10. Số điện thoại liên lạc tại cơ quan: 04-6840093
11. Trình độ văn hoá: 10/10
12. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh Tế
13. Quá trình công tác :

|                   |                                                                |
|-------------------|----------------------------------------------------------------|
| 04/1975 - 04/1981 | Bộ đội thuộc đơn vị E212-F361 Bộ tư lệnh Phòng không           |
| 08/1981 - 08/1987 | Đi lao động hợp tác tại Cộng hòa dân chủ Đức                   |
| 09/1988 –         | Công nhân nhà máy xén Xí nghiệp In Nông nghiệp (nay là Công ty |

|                      |                                                                   |
|----------------------|-------------------------------------------------------------------|
| 11/1991              | cổ phần bao bì & In Nông nghiệp)                                  |
| 12/1991-<br>02/2007  | Quản đốc phân xưởng thành phẩm                                    |
| 03/2007 –<br>03/2008 | Trưởng phòng tổ chức hành chính CTCP Bao bì và In nông nghiệp     |
| 04/2008 –<br>nay     | Ủy viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bao bì & In Nông nghiệp nay |

14. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Ủy viên Ban kiểm soát; Trưởng phòng Hành chính - Nhân sự .
15. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không.
16. Số cổ phần nắm giữ :
  - Sở hữu cá nhân: 59.529 cổ phần.
  - Đại diện sở hữu phần vốn : 0 cổ phần.
17. Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ:

| Họ tên        | Quan hệ | Số CP sở hữu |
|---------------|---------|--------------|
| Đặng Minh Thu | Em gái  | 28.450       |

18. Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
19. Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không
20. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

❖ **Ông Nguyễn Quang Lộc – Thành viên Ban kiểm soát**

1. Họ và tên: **Nguyễn Quang Lộc**
2. Giới tính: Nam
3. Ngày, tháng, năm sinh: 12/09/1958
4. Nơi sinh: Hà Nội
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Số CMTND/Hộ chiếu: 011540233
7. Dân tộc: Kinh
8. Quê quán: Tổ 6, Phường Lĩnh Nam, Quận Hoàng Mai, Hà Nội.
9. Địa chỉ thường trú: Tổ 6, Phường Lĩnh Nam, Quận Hoàng Mai, Hà Nội.
10. Số điện thoại liên lạc tại cơ quan: 04-6840093
11. Trình độ văn hoá: 10/10

12. Trình độ chuyên môn: Thợ bậc 6

13. Quá trình công tác :

|                      |                                                                                                                            |
|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 08/1976 -<br>07/1978 | Công nhân In Offset – Xí nghiệp In Nông nghiệp & CNTP                                                                      |
| 08/1978 -<br>07/1987 | Bộ đội trung đoàn E4, F337 cấp bậc trung úy                                                                                |
| 01/1990 –<br>6/2004  | Tổ trưởng sản xuất, Trưởng ban Thanh tra nhân dân, Ủy viên BCHCĐ công ty và Chủ tịch BCHCĐ bộ phận Xưởng sản xuất, Công ty |
| 07/2004 –            | Ủy viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bao bì & In Nông nghiệp nay                                                          |

14. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Ủy viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Bao bì & In Nông nghiệp

15. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không.

16. Số cổ phần nắm giữ :

- Sở hữu cá nhân: 174.500 cổ phần
- Đại diện sở hữu phần vốn : 0 cổ phần

17. Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ:

| Họ tên                 | Quan hệ  | Số CP sở hữu |
|------------------------|----------|--------------|
| Nguyễn Trần Quang Linh | Con trai | 100          |

18. Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

19. Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không

20. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

### **13.3. Thành viên Ban Tổng Giám đốc**

- Ông Nguyễn Thành Nam** : Tổng Giám đốc
- Ông Vũ Hồng Tuyên** : Phó Tổng Giám đốc
- Bà Lê Diễm Thanh** : Phó Tổng Giám đốc
- Ông Lê Duy Toàn** : Phó Tổng Giám đốc

Thông tin SYLL các thành viên Ban Tổng Giám đốc xem mục 13.1 – Thành viên Hội đồng quản trị.

### **13.4. Kế toán trưởng**

**❖ Bà Tạ Thị Tuyết Nga – Kế toán trưởng**

- Họ và tên: **Tạ Thị Tuyết Nga**
- Giới tính: Nữ
- Ngày, tháng, năm sinh: 05 tháng 08 năm 1963.
- Nơi sinh: Thành Phố Ninh Bình - Tỉnh Ninh Bình.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMTND/Hộ chiếu: 011741828.
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thành Phố Ninh Bình - Tỉnh Ninh Bình.
- Địa chỉ thường trú: P901 - ĐN2 - Số 15-17 - Ngọc Khánh - Ba Đình - Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc tại cơ quan: 04-36840094.
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế.
- Quá trình công tác:

|                     |   |                                                                    |
|---------------------|---|--------------------------------------------------------------------|
| 1986<br>12/1992     | - | Nhân viên Phòng Kế toán - Nhà máy chế tạo thiết bị lương thực I    |
| 1/1993<br>12/2000   | - | Nhân viên Phòng Tổng hợp - Công ty Điện tử công nghệ               |
| 1/2001<br>12/2001   | - | Nhân viên Phòng Kinh doanh - Công ty TNHH VEDAN Việt Nam           |
| 01/2002-<br>12/2004 | - | Phó phòng Kế toán - Xí nghiệp Xây dựng 106 – Công ty Xây dựng số 1 |
| 1/2005              | - | Nhân viên Phòng Tài chính - Kế toán CTCP Bao Bì và In Nông         |



|                      |                                                                                      |
|----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
| 12/2005              | ng nghiệp                                                                            |
| 01/2006 -<br>12/2011 | Phó trưởng phòng Tài chính - Kế toán CTCP Bao Bì và In Nông nghiệp                   |
| 1/2012<br>đến nay    | Kế toán trưởng kiêm Trưởng Phòng Tài chính - Kế toán - CTCP Bao Bì và In Nông nghiệp |

14. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Kế toán trưởng kiêm Trưởng Phòng Tài chính - Kế toán.
15. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không.
16. Số cổ phần nắm giữ :
- Sở hữu cá nhân: 60.000 cổ phần
  - Đại diện sở hữu phần vốn : 0 cổ phần
17. Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ:
- | Họ tên              | Quan hệ | Số CP sở hữu |
|---------------------|---------|--------------|
| Nguyễn Thị Nga Linh | Con gái | 18.900       |
18. Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
19. Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không
20. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

#### 14. Tài sản

Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình tại ngày 31/03/2014

(Công ty mẹ)

Đơn vị: Đồng

| Khoản mục                       | Nguyên giá             | Giá trị khấu hao       | Giá trị còn lại       |
|---------------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|
| <b>Tài sản cố định hữu hình</b> | <b>223.235.844.193</b> | <b>134.120.835.371</b> | <b>89.115.008.822</b> |
| Nhà cửa, vật kiến trúc          | 36.357.309.352         | 16.746.353.091         | 19.610.956.261        |
| Máy móc, thiết bị               | 175.083.078.357        | 111.580.888.533        | 63.502.189.824        |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 10.239.518.840         | 4.506.695.958          | 5.732.822.882         |
| Thiết bị dụng cụ, quản lý       | 1.555.937.644          | 1.286.897.789          | 269.039.855           |
| <b>Tài sản cố định vô hình</b>  | <b>0</b>               | <b>0</b>               | <b>-</b>              |
| <b>Tổng</b>                     | <b>223.235.844.193</b> | <b>134.120.835.371</b> | <b>89.115.008.822</b> |

(Nguồn: BCTC quý 1/2014 - INN)

Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình tại ngày 31/12/2013

(Công ty mẹ)

Đơn vị: Đồng

| Khoản mục                       | Nguyên giá             | Giá trị khấu hao       | Giá trị còn lại       |
|---------------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|
| <b>Tài sản cố định hữu hình</b> | <b>198.821.645.420</b> | <b>127.342.236.273</b> | <b>71.479.409.147</b> |
| Nhà cửa, vật kiến trúc          | 36.337.309.352         | 15.557.153.892         | 20.780.155.460        |
| Máy móc, thiết bị               | 150.770.806.857        | 106.667.029.034        | 44.103.777.823        |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 10.239.518.840         | 3.877.327.917          | 6.362.190.923         |
| Thiết bị dụng cụ, quản lý       | 1.474.010.371          | 1.240.725.430          | 233.284.941           |
| <b>Tài sản cố định vô hình</b>  | <b>0</b>               | <b>0</b>               | <b>0</b>              |
| <b>Tổng</b>                     | <b>198.821.645.420</b> | <b>127.342.236.273</b> | <b>71.479.409.147</b> |

(Nguồn: INN)

Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình tại ngày 31/12/2013

(Hợp nhất)

Đơn vị: Đồng

| Khoản mục                       | Nguyên giá             | Giá trị khấu hao       | Giá trị còn lại       |
|---------------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|
| <b>Tài sản cố định hữu hình</b> | <b>227.617.223.332</b> | <b>138.965.145.280</b> | <b>88.652.078.052</b> |
| Nhà cửa, vật kiến trúc          | 44.337.309.352         | 18.057.153.882         | 26.280.155.470        |
| Máy móc, thiết bị               | 171.341.038.860        | 115.643.312.868        | 55.697.725.992        |

**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ VÀ IN NÔNG NGHIỆP (INN)**

|                                 |                        |                        |                       |
|---------------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 10.339.518.840         | 4.002.132.503          | 6.337.386.337         |
| Thiết bị dụng cụ, quản lý       | 1.599.356.280          | 1.262.546.027          | 336.810.253           |
| <b>Tài sản cố định vô hình</b>  | <b>0</b>               | <b>0</b>               | <b>0</b>              |
| <b>Tổng</b>                     | <b>227.617.223.332</b> | <b>138.965.145.280</b> | <b>88.652.078.052</b> |

(Nguồn: INN)

Chi phí xây dựng dở dang tại ngày 31/12/2013

Đơn vị: Đồng

| Nội dung                                                         | 31/12/2012           | 31/12/2013           |
|------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Mua sắm tài sản cố định (Máy bẻ MK1060 mới 100%)                 | 0                    | 7.163.816.000        |
| Dự án mở rộng cơ sở sản xuất tại KCN Ngọc Hồi (tiền sử dụng đất) | 1.688.400.000        | 1.688.400.000        |
| <b>Tổng</b>                                                      | <b>1.688.400.000</b> | <b>8.852.216.000</b> |

(Nguồn: INN)

**15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo**

**15.1. Một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức**

Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận của INN

Đơn vị: triệu đồng

| Chỉ tiêu                             | Năm 2013 | Dự kiến năm 2014 | % tăng giảm so với năm 2013 |
|--------------------------------------|----------|------------------|-----------------------------|
| Vốn điều lệ                          | 81.000   | 108.000          | 33,33%                      |
| Doanh thu thuần (DTT)                | 567.597  | 600.000          | 5,71%                       |
| Lợi nhuận sau thuế                   | 37.569   | 51.000           | 35,75%                      |
| Lợi nhuận sau thuế/ DTT (%)          | 6,62%    | 8,50%            | 1,88%                       |
| Lợi nhuận sau thuế / Vốn điều lệ (%) | 46,38%   | 47,22%           | 0,84%                       |
| Tỷ lệ trả cổ tức (%)                 | 20%      | Thấp nhất là 16% | -4%                         |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013 của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/03/2014.

**15.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên**

Dựa trên năng lực hiện có của Công ty: Quy mô về vốn, trang thiết bị hiện đại, khả năng cạnh tranh cao trên thị trường. Bên cạnh đó, Công ty có kế hoạch đầu tư chiều sâu (mở rộng sản xuất, đầu tư thiết bị) tại cả hai nhà máy, nhằm tạo ra những sản phẩm tốt hơn, đảm bảo về thời gian phục vụ khách hàng.

Trong năm 2014, Công ty Bao bì và In nông nghiệp sẽ triển khai các hoạt động, kế hoạch đầu tư, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động, cụ thể:

*a. Công tác đầu tư thiết bị:*

❖ Đầu tư nhà máy tại Hà Nội:

- Sửa chữa, nâng cấp nhà xưởng.
- Đầu tư dây chuyền Flexo 8 màu của Cộng hòa liên bang Đức trị giá khoảng 1,1 triệu EUR.
- Đầu tư Máy In Offset R700 của Cộng hòa liên bang Đức trị giá khoảng 1,3 triệu EUR.
- Ngoài ra còn đầu tư một số máy phụ trợ khác sau in.

❖ Đầu tư nhà máy tại Hưng Yên:

- Thiết kế, xây dựng nhà máy mới đạt tiêu chuẩn Bao bì cấp I. Xây dựng theo hình thức cuốn chiếu. Dự kiến giai đoạn 1 khoảng 40 tỷ đến 50 tỷ đồng.
- Mua Máy in ống đồng của Hàn Quốc hoặc Châu Âu trị giá khoảng từ 1,4 triệu EUR đến 1,5 triệu EUR.
- Trang bị một số thiết bị thí nghiệm khác.

*b. Công tác tổ chức bộ máy:*

- Tập trung nguồn lực, tháo gỡ khó khăn cho việc hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy tại Hưng Yên, đảm bảo gọn nhẹ có hiệu quả nhất.
- Tăng cường công tác quản trị trên mọi lĩnh vực, hoàn thiện mô hình quản lý và phát triển Công ty nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, gia tăng lợi ích của cổ đông, đảm bảo và nâng cao đời sống của người lao động.

Trong năm 2014, Công ty dự kiến sẽ tăng vốn điều lệ từ 81 tỷ đồng lên 108 tỷ đồng, việc tăng vốn có thể kéo theo áp lực lên cổ tức, vì vậy tỷ lệ cổ tức kế hoạch năm 2014 giảm còn 16% so với cổ tức năm 2013 là 20%.

**16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức**

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long đưa ra đánh giá về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Bao bì và In nông nghiệp trong năm 2014 dựa trên cơ sở thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính hiện nay của Công ty Cổ phần Bao bì và In nông

ng nghiệp. Năm 2011-2013, trong điều kiện nền kinh tế thế giới và trong nước có nhiều biến động gây bất lợi cho hoạt động kinh doanh, nhưng Công ty Cổ phần Bao bì và In nông nghiệp đều hoàn thành tốt các chỉ tiêu, kế hoạch kinh doanh mà ĐHĐCĐ đề ra, đặc biệt là các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận. Tỷ lệ chia cổ tức 02 năm gần nhất đạt 20%/mệnh giá. Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long cho rằng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty Cổ phần Bao bì và In nông nghiệp dự kiến trong năm 2014 là phù hợp và khả thi nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Chúng tôi lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét của chúng tôi được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có tính chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính, chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Các nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

**17. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức**

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014, ĐHĐCĐ đã thông qua phương án chào bán 2,7 triệu cổ phiếu ra công chúng tăng vốn điều lệ từ 81 tỷ đồng lên 108 tỷ đồng theo Nghị quyết số 02/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/03/2014, đồng thời ĐHĐCĐ cam kết đưa cổ phiếu chào bán thêm vào giao dịch trên thị trường chứng khoán trong thời hạn 01 năm kể từ khi kết thúc đợt chào bán.

Thời gian dự kiến đưa cổ phiếu chào bán giao dịch: tháng 7/2014.

**18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành**

Không có

**19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán**

Không có

## **V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN**

- Tên cổ phiếu:** Cổ phiếu Công ty Cổ phần Bao bì và In nông nghiệp
- Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán:** 2.700.000 (Hai triệu bảy trăm ngàn) cổ phiếu
- Giá chào bán:** 10.000 đồng/cổ phiếu
- Phương pháp tính giá**

Cổ phiếu Công ty Cổ phần Bao bì và In nông nghiệp được chào bán với mức giá là 10.000 đồng/cổ phiếu theo như Nghị quyết số 02/2014/NQ-ĐHĐCĐ được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 thông qua ngày 30/03/2014.

Ngoài ra, nhà đầu tư có thể tham khảo giá trị sổ sách và giá thị trường của cổ phiếu tương quan với giá chào bán theo phương pháp tính toán như sau:

### **Giá trị sổ sách của cổ phiếu:**

$$\text{Giá trị sổ sách của cổ phiếu} = \frac{\text{Nguồn Vốn chủ sở hữu – Quỹ và nguồn kinh phí khác}}{\text{Số cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Giá trị sổ sách của cổ phiếu INN tại thời điểm 31/12/2013:

#### **❖ Theo BCTC kiểm toán tổng hợp năm 2013:**

$$\text{Giá trị sổ sách của cổ phiếu} = \frac{166.593.153.899}{8.100.000} = 20.567 \text{ đồng}$$

#### **❖ Theo BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2013:**

$$\text{Giá trị sổ sách của cổ phiếu} = \frac{171.624.927.352}{8.100.000} = 21.188 \text{ đồng}$$

**Giá trị thị trường của cổ phiếu INN tại ngày 28/03/2014:** 32.000 đồng/cổ phiếu

(Nguồn: [www.cafef.vn/hastc/INN-cong-ty-co-phan-bao-bi-va-in-nong-nghiep.chn](http://www.cafef.vn/hastc/INN-cong-ty-co-phan-bao-bi-va-in-nong-nghiep.chn))

## **7. Phương thức phân phối**

Việc phân phối cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu được thực hiện theo phương thức thực hiện quyền mua:

- Tỷ lệ phân bổ quyền: 3:1 (nghĩa là mỗi cổ đông sở hữu 1 (một) cổ phiếu tại ngày chốt danh sách thì có 1 (một) quyền mua, cứ 3 (ba) quyền mua thì được mua thêm 1 (một) cổ phiếu mới). Số cổ phiếu cổ đông được mua thêm sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.
- Cổ phiếu quỹ không được phân bổ quyền mua. Tại thời điểm hiện tại, Công ty không có cổ phiếu quỹ.

### **a) Phương thức làm tròn cổ phiếu khi thực hiện quyền mua cổ phiếu:**

Số lượng cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

**Ví dụ:**

Cổ đông A sở hữu 10.000 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông hưởng quyền mua cổ phiếu. Cổ đông A sẽ được phân bổ 10.000 quyền mua cổ phiếu và được mua thêm 3.333 cổ phiếu (bằng  $10.000 \times 1/3 = 3.333,33$  và làm tròn xuống đến hàng đơn vị là 3.333 cổ phiếu).

**b) Quy định về việc chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu:**

Người sở hữu quyền mua cổ phần có thể chuyển nhượng quyền mua cổ phần của mình cho người khác theo giá thỏa thuận của hai bên và chỉ được chuyển nhượng một lần trong thời gian quy định (người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng cho người thứ ba).

**c) Xử lý cổ phiếu còn dư do cổ đông hiện hữu không mua hết, cổ phiếu lẻ phát sinh:**

- Số cổ phiếu còn dư do cổ đông không đăng ký mua hết (nếu có), số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống hàng đơn vị (nếu có), Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT tiếp tục chào bán cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Bao bì và In nông nghiệp với mức giá và điều kiện chào bán mà HĐQT xét thấy là phù hợp. Giá chào bán cổ phiếu lẻ phát sinh, cổ phiếu còn dư có thể thấp hơn giá trị sổ sách 01 cổ phiếu của Công ty tính theo BCTC gần nhất tại thời điểm chào bán nhưng không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu. Hội đồng quản trị quyết định danh sách, số lượng cổ phần phân bổ cho từng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban lãnh đạo Công ty.
- Trường hợp các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban lãnh đạo Công ty không đăng ký mua hết số lượng cổ phần còn dư, cổ phiếu lẻ phát sinh, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT tiếp tục chào bán cho các đối tượng khác mức giá và điều kiện chào bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu nhằm đảm bảo đợt phát hành thành công.
- Kết thúc đợt chào bán mà Công ty không thể chào bán hết số lượng cổ phiếu đã đăng ký thì coi như số lượng cổ phiếu chào bán bằng số lượng cổ phiếu thực tế đã phân phối. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT căn cứ trên tình hình chào bán thực tế, quyết định số lượng cổ phiếu chào bán thực tế và mức vốn điều lệ thực tế tăng thêm.

**d) Dự kiến tỷ lệ chào bán thành công cho cổ đông hiện hữu:**

Số lượng cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu: 2,7 triệu cổ phiếu, tương ứng 27 tỷ đồng. Công ty dự kiến tỷ lệ chào bán đạt 100%, số lượng vốn huy động dự kiến đạt 27 tỷ đồng. Trường hợp cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết, HĐQT công ty sẽ phân phối cổ phần còn dư theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua nhằm đảm bảo việc chào bán cổ phiếu thành công.

**8. Thời gian phân phối cổ phiếu**

Cổ phiếu chào bán được phân phối trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu.

Trường hợp không thể hoàn thành việc phân phối cổ phiếu trong thời hạn 90 ngày, Công ty sẽ xin phép UBCKNN xem xét gia hạn thời gian phân phối cổ phiếu nhưng tối

đa không quá 30 ngày theo quy định.

Dự kiến Lịch trình phân phối cổ phiếu chào bán như sau:

| <b>Stt</b> | <b>Công việc</b>                                                                                                                                                | <b>Thời gian thực hiện (ngày làm việc)</b> |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|
| 1          | Nhận Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán từ UBCKNN.                                                                                                                | D                                          |
|            | Gửi thông báo chốt danh sách cổ đông tới VSD chốt DSCĐ thực hiện quyền mua cổ phiếu                                                                             | D + 2                                      |
| 3          | Công bố thông tin về đợt chào bán trên một tờ báo điện tử hoặc báo viết trong 03 số báo liên tiếp.                                                              | D đến D+7                                  |
| 4          | Ngày giao dịch không hưởng quyền.                                                                                                                               | D + 15                                     |
| 5          | Ngày đăng ký cuối cùng.                                                                                                                                         | D + 17                                     |
| 6          | Tổng hợp Danh sách cổ đông, thực hiện phân bổ quyền mua cổ phần.                                                                                                | D + 22                                     |
| 7          | Các cổ đông hiện hữu tiến hành đăng ký, chuyển nhượng quyền mua và nộp tiền mua cổ phiếu.                                                                       | D+ 22 đến D+50                             |
| 8          | Tổng hợp số lượng cổ phiếu còn dư do cổ đông hiện hữu không đặt mua hết để phân phối tiếp theo Nghị quyết ĐHĐCĐ.                                                | D+50 đến D+55                              |
| 9          | <ul style="list-style-type: none"><li>– Báo cáo UBCKNN kết quả đợt chào bán.</li><li>– Nộp Hồ sơ đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký giao dịch bổ sung.</li></ul> | D+65                                       |
| 10         | Nhận Giấy phép Lưu ký bổ sung và Đăng ký niêm yết bổ sung.                                                                                                      | D+75                                       |
| 11         | Công bố báo chí về việc niêm yết bổ sung.                                                                                                                       | D+77                                       |
| 12         | Trao trả giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho các cổ đông chưa lưu ký                                                                                             | D+75 đến D+85                              |
| 13         | Giao dịch cổ phiếu chào bán thêm.                                                                                                                               | D+85                                       |

## **9. Đăng ký mua cổ phiếu**

- Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày quyền mua có hiệu lực, cổ đông thuộc Danh sách sở hữu cuối cùng sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu và nộp tiền theo tỷ lệ được mua đã quy định. Các cổ đông mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu ở các thành viên lưu ký (Công ty chứng khoán thành viên) nào sẽ chuyển nhượng quyền, đăng ký



thực hiện quyền và nộp tiền mua cổ phiếu tại Công ty chứng khoán đó. Cổ đông chưa thực hiện lưu ký thì chuyển nhượng quyền, đăng ký thực hiện quyền và nộp tiền mua cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Bao bì và In nông nghiệp.

- Thủ tục thực hiện chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu: Cổ đông sở hữu quyền mua cổ phần tự tìm đối tác và thỏa thuận việc chuyển nhượng quyền mua cổ phần (nếu có nhu cầu). Các cổ đông đã lưu ký sẽ thực hiện việc chuyển nhượng quyền mua cổ phần tại Công ty chứng khoán nơi bên chuyển nhượng mở tài khoản. Cổ đông chưa lưu ký sẽ thực hiện chuyển nhượng quyền mua cổ phần tại Công ty Cổ phần Bao bì và In nông nghiệp.
- Thời gian thực hiện chuyển nhượng quyền mua cổ phần: Thời gian để cổ đông thực hiện việc chuyển nhượng quyền mua cổ phần (nếu có nhu cầu) là 18 ngày kể từ ngày phân bổ quyền mua.
- Lưu ý: Trong thời hạn đăng ký thực hiện quyền mua, các cổ đông không thực hiện quyền mua của mình thì sẽ bị mất quyền mua cổ phần mới mà không nhận được bất cứ sự đền bù nào của Công ty.

#### **10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài**

- Tuân thủ theo quy định tại Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của Nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam: “Tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài (bao gồm cả cổ đông nước ngoài hiện hữu) không vượt quá 49% vốn điều lệ của một công ty đại chúng”.
- Tại thời điểm 28/02/2014, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu INN của các nhà đầu tư nước ngoài là 378.650 cổ phiếu, tương ứng 4,675%.

#### **11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng**

Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu là cổ phiếu phổ thông và không bị hạn chế chuyển nhượng.

#### **12. Các loại thuế có liên quan**

- Đối với việc chuyển nhượng chứng khoán và quyền mua cổ phiếu chào bán: Thực hiện Theo Luật 26/2012/QH13 ngày 22/11/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế Thu nhập cá nhân.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN theo thuế suất là 22% tính trên thu nhập chịu thuế (tính từ năm 2014).
- Thuế Giá trị gia tăng: Công ty nộp thuế Giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.
- Thuế xuất, nhập khẩu: Công ty kê khai và nộp thuế theo Luật thuế xuất nhập khẩu hiện hành.
- Đối với các loại thuế khác: Công ty tuân thủ theo Luật thuế và các chính sách về thuế theo quy định hiện hành áp dụng cho các doanh nghiệp.

**13. Đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung cổ phiếu chào bán**

Công ty Cổ phần Bao bì và In nông nghiệp cam kết thực hiện đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung trong vòng 30 ngày sau khi hoàn thành đợt chào bán theo quy định tại Khoản 1a Điều 59 Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012.

**14. Ngân hàng mở tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu**

- Tên tài khoản: **Công ty Cổ phần Bao bì và In Nông nghiệp**
- Số tài khoản: **150 320 102 9004**
- Ngân hàng mở tài khoản: .

**VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN**

Công ty Cổ phần Bao bì và In nông nghiệp chào bán 2,7 triệu cổ phiếu, tương đương 27 tỷ đồng (theo mệnh giá) tăng vốn điều lệ từ 81 tỷ đồng lên 108 tỷ đồng. Vốn điều lệ tăng thêm sẽ được sử dụng vào hoạt động kinh doanh của Công ty với cơ cấu hợp lý và phù hợp với chiến lược hoạt động sản xuất kinh doanh trên nguyên tắc đảm bảo an toàn, hiệu quả và mang lại lợi ích cao nhất cho các cổ đông. Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng vào mục đích sau:

- Đầu tư xây dựng và mua sắm máy móc, trang thiết bị, dây chuyền sản xuất cho nhà máy của Công ty tại Ngọc Hồi và nhà máy tại Hưng Yên.
- Giảm gánh nặng về lãi vay, tái cơ cấu nguồn vốn nâng cao năng lực tài chính cho Công ty.

Sau khi hoàn tất đợt chào bán và thu tiền mua cổ phần, căn cứ tình hình hoạt động kinh doanh, nhu cầu vốn đầu tư, tiến độ triển khai và thực hiện các đơn hàng của Công ty, Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo công ty sẽ xem xét triển khai thực hiện các hoạt động đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh và cân đối các nguồn vốn sử dụng.

## **VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN**

Sau khi phát hành tăng vốn từ 81 tỷ đồng lên 108 tỷ đồng, dự kiến đợt phát hành hoàn thành vào quý II/2014, số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được Công ty giải ngân vào quý III/2014 phục vụ cho kế hoạch Đầu tư mua sắm máy móc, trang thiết bị, dây chuyền sản xuất cho nhà máy của Công ty.

- ❖ Kế hoạch các công việc triển khai liên quan đến hoạt động đầu tư của Công ty.

Ngày 20/01/2014, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bao bì và In nông nghiệp đã họp và ra quyết định thông qua việc đầu tư thiết bị, máy móc như sau:

| Stt | Khoản mục đầu tư                      | Số tiền đầu tư dự kiến<br>(đồng) |
|-----|---------------------------------------|----------------------------------|
| 1   | Đầu tư dây chuyền Flexo 8 màu của Đức | 31.291.000.000                   |
| 2   | Đầu tư Máy In Offset R700 của Đức     | 36.105.000.000                   |
|     | <b>Tổng cộng</b>                      | <b>67.396.000.000</b>            |

*(Nguồn: quyết định HĐQT số 01 QĐ/HĐQT ngày 20/01/2014)*

- ❖ Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán dự kiến như sau:

Việc thực hiện kế hoạch đầu tư trong năm 2014 theo Báo cáo HĐQT tại ĐHĐCĐ năm 2014 như trên, Công ty dự kiến sử dụng vốn từ các nguồn: Vốn vay ngân hàng, Lợi nhuận sau thuế (sau khi trả cổ tức, trích lập các quỹ) tái đầu tư và Vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu.

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| Stt | Khoản mục đầu tư                      | Vốn huy<br>động từ<br>đợt chào<br>bán CP | Vốn vay /<br>Lợi nhuận<br>sau thuế tái<br>đầu tư | Thời gian đầu tư<br>dự kiến |
|-----|---------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------|
| 1   | Đầu tư dây chuyền Flexo 8 màu của Đức | 12.000                                   | 19.219                                           | Quý III/2014                |
| 2   | Đầu tư Máy In Offset R700 của Đức     | 15.000                                   | 21.105                                           | Quý III/2014                |
|     | <b>Tổng cộng</b>                      | <b>27.000</b>                            | <b>40.396</b>                                    |                             |

*(Nguồn: INN)*

## **VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN**

### **1. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN**

#### **CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)**

- Trụ sở chính: Số 160 Phương Liệt, Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội.
- Địa chỉ giao dịch : Tầng 14 tòa nhà HH3, KĐT Mỹ Đình, Mễ Trì, Hà Nội.
- Điện thoại: 04 3868 9566 Fax: 04 3868 6248.
- Website: [www.kiemtoanava.com.vn](http://www.kiemtoanava.com.vn)

### **2. TỔ CHỨC TƯ VẤN**

#### **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG - KLS**

- Trụ sở chính: 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội
- Điện thoại: (84-4) 3772 6868 Fax: (84-4) 3772 6131
- Chi nhánh Tp. HCM: Tầng 2, Centec Tower, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, TP.HCM
- Điện thoại: (08) 3823 3923 Fax: (08) 3827 7380
- Website: [www.kls.vn](http://www.kls.vn)

**PHỤ LỤC**

1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
2. Phụ lục II: Bản sao hợp lệ Điều lệ công ty
3. Phụ lục III: Bản sao các Báo cáo kiểm toán năm 2012, 2013
4. Phụ lục IV: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 thông qua Phương án chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.
5. Phụ lục V: Sơ yếu lý lịch các thành viên HĐQT, BGD, BKS
6. Phụ lục VI: Nghị quyết HĐQT thông qua hồ sơ chào bán cổ phiếu
7. Phụ lục VII: Bản sao Hợp đồng tư vấn

*Hà Nội, ngày 21 tháng 04 năm 2014*

**TỔ CHỨC CHÀO BÁN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ VÀ IN NÔNG NGHIỆP**  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**NGUYỄN THÀNH NAM**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**



**TẠ THỊ TUYẾT NGÀ**



**PHẠM THỊ PHÚC**

*Hà Nội, ngày 21. tháng 04 năm 2014*

**TỔ CHỨC TƯ VẤN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
  
*Phạm Vĩnh Thành*  
**PHẠM VĨNH THÀNH**